

SANH TÂM VÔ TRÚ

Nguyên tác: Tịnh Không Pháp sư

Việt dịch: Thích Nguyên Hùng

Trong xã hội ngày nay, với nhiều biến loạn và nhiễu nhương, những người phát tâm học Phật chân chính cần phải có một nhận thức sáng suốt.

Không phải hình Phật
không nên nhìn,
Không phải pháp Phật
không nên nghe,
Không phải lời Phật
không nên nói.
Thời khóa mỗi ngày
quyết tu trọn vẹn,
Lễ Phật thật nhiều
chí tâm sám hối.
Tâm thành cảm thông,
Phước hụê tròn đầy,
Tam học cụ túc,
Sen vàng thượng phẩm,
Nở rộ đón mời.

1.

Trong xã hội ngày nay, với nhiều biến loạn và nhiễu nhương, những người phát tâm học Phật chân chính cần phải có một nhận thức sáng suốt.

Trong nhà Phật thường nói: "Muôn việc bỏ lại đời, chỉ có nghiệp theo thân". Chúng ta cần phải hiểu câu nói này cho thấu đáo, rồi sau mới biết cách dụng công tu tập như thế nào. Phàm là những gì không đem đi được thì không nên để nó ở trong tâm. Còn những gì có thể mang đi được thì phải giành lấy từng phút từng giây, đừng để thời gian trôi qua một cách uổng phí. Thế thì, những gì có thể mang đi được? Chỉ có nghiệp! Nghiệp là kết quả của hành động, nói năng và suy nghĩ có chủ tâm. Nếu chủ tâm ác thì tạo nghiệp ác, chủ tâm thiện thì tạo nghiệp thiện. Nghiệp ác dẫn chúng ta vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nghiệp thiện đưa chúng ta lên cõi trời, cõi người. Vậy chúng ta nên mang theo nghiệp nào? Nên bỏ ác, tu thiện, tích lũy công đức. Phước đức thì có thể mang đi được. Nhưng đây chỉ là cái phước thiện nhỏ ở trong thế gian. Trong khi đó, chư Phật luôn luôn hy vọng chúng ta thành tựu cái thiện lớn, đó là thành Phật, thành Bồ tát. Mà muốn thành Phật, thành Bồ tát thì phải có niềm tin sâu sắc vào pháp môn Tịnh độ, phải chí tâm niệm Phật cầu vãng sinh.

Thế nào gọi là thành thật? Nhất định phải buông bỏ mọi duyên ràng buộc. Trong mọi lúc, mọi nơi, mọi hoàn cảnh đều phải luôn

luôn giữ tâm mình cho chân thật, thanh tịnh và từ bi. Luôn luôn lấy câu "Nam mô A Di Đà Phật" để ở trong tâm. Gặp người có duyên, chúng ta phải lấy chân tình, đem lòng cung kính và hoan hỷ giới thiệu pháp môn niệm Phật cho họ, khuyên họ cùng tu. Đó là sự cúng dường có ý nghĩa nhất.

"Trong tất cả các hình thức cúng dường, cúng dường pháp là hơn hết". Đó là bốn nguyện của đức Phật A Di Đà, mà mười phương chư Phật cũng giống như thế. Chúng ta cần phải tu tập như vậy thì thời gian trong một ngày không trôi qua uổng phí. Một ngày tu tập như vậy nhất định có được thân tâm thanh tịnh, có niềm vui, pháp lạc tràn đầy. Chư Phật, Bồ tát cũng cảm thông, tương ứng.

Khinh mạn là giặc
cướp đi công đức.
Siêng năng là vua
tạo bao điều thiện.
Phước đức là nước
Trí tuệ là thuyền
Nếu không có nước
Thuyền làm sao bơi!

2.

Trong kinh Kim Cương đức Phật dạy: "Ba tâm không thể nắm bắt"(1), vạn pháp đều do duyên sinh". YÙ tứ của câu này muốn nói, chúng sanh thường lấy cái tâm phân biệt, chấp trước, tham ái, bảo thủ, cho cái thân này là ta (ngã); trong khi đó, chính cái tâm ấy là hư vọng, không thật có, không thể nắm bắt được; vì vạn pháp đều do duyên sinh, cho nên bản chất của nó vốn không có tự tính, tức cũng là hư vọng, không thật, không thể nắm bắt.

Chủ thể là tâm, đối tượng là các pháp, còn gọi là năng và sở, cả hai đều không thể nắm bắt, đó là lời dạy của đức Phật cho chúng ta biết chân tướng của sự thật. Không những tất cả các pháp đều không thật, không thể nắm bắt, mà ngay cả cái không phải pháp (phi pháp) cũng không thật, cũng không thể nắm bắt được.

Tại sao đức Phật lại nói cái không phải pháp (phi pháp)? Phi pháp là tướng không, pháp là tướng có. Trong ba cõi, thì chúng sanh ở cõi Dục và cõi Sắc chấp có, còn chúng sanh ở cõi Vô Sắc chấp không. Không và có gọi là nhị nguyên đối đãi, cả hai đều không thật, không thể nắm bắt được. Rời khỏi ý niệm có và không là vượt thoát được sinh tử luân hồi.

Tuy nhiên, vượt ra ngoài ba cõi, đạt đến Niết bàn thiên chơn, cũng là rơi vào tướng không, không thật. Các bậc A La Hán, Bích Chi Phật chứng nhập Niết bàn, là ở trong loại Niết bàn này. Trong kinh đức Phật nói: "A La Hán ở trong Niết bàn thiên chơn 2 vạn kiếp; Bích Chi Phật ở trong đó 1 vạn kiếp". Trong khoảng thời gian

dài này họ không làm gì cả, công phu tu tập hoàn toàn bị đình trệ, không một chút tiến bộ. Cho nên gọi là "đọa vào chỗ vô vi". YÙ tứ của câu kinh này rất sâu sắc. Sở dĩ đức Phật nói như vậy là vì muốn giáo hóa cho hàng Bồ tát đừng bám trụ vào ý niệm có và không. Đó chính là ý nghĩa câu kinh "vô thượng thậm thâm vi diệu pháp", là "vô thượng bồ đề".

Con người sống trong thế gian này, từ đời này qua đời khác, bất luận là chịu khổ đau nhiều hay ít, sang hèn thế nào, đều do bốn yếu tố sau đây làm chủ: báo ân, báo oán, vay nợ, trả nợ.

Chẳng hạn như những nhà tư bản phương Tây, họ có công ty, công sở và rất nhiều nhân công. Họ nuôi những người này cũng chỉ vì trong quá khứ, nhiều đời về trước đã mắc nợ lẫn nhau. Nếu mắc nợ nhiều thì phải nuôi cả đời. Còn nếu như mắc nợ ít, thì có thể nuôi một năm, hai năm. Khi một công nhân rời khỏi công ty, đó là họ đã trả xong nợ. Cho nên, hằng ngày phải siêng năng tính toán, lên kế hoạch kinh doanh... đều là nghĩ cách đòi nợ và trả nợ cho nhau mà thôi. Những người công nhân đối xử với họ rất cung kính, tôn trọng, toàn tâm toàn lực thay họ làm việc, đó là sự báo ân. Nhưng cũng có người mới bị khiển trách chút ít đã nghĩ cách trả thù, đó là sự báo oán. Chúng ta xem xét thấu đáo điểm này một chút thì đối với sự thật chân tướng của cuộc đời không có gì là khó hiểu. Tất cả đều diễn biến theo một chuỗi dài nhân – duyên – quả mà thôi! Nhận thức như vậy thì cái tâm tham luyến thế gian này tự nhiên phai nhạt dần.

Chỉ khi nào thấu hiểu một cách rõ ràng chân tướng sự thật của cuộc đời thì khi ấy mới biết bỏ ác, tu thiện, mới biết tích lũy công đức, mới biết niệm Phật cầu thoát sinh tử, mới xem việc thoát khỏi ba cõi là vấn đề cần thiết, có tính chất cấp bách. Đó mới là người giác ngộ chân chính, mới là người có trí tuệ chân thật. Nếu như vẫn còn tham luyến cuộc đời này, tham muốn công danh, phú quý, thì nhất định không thể thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi. Mà một khi không thoát khỏi được vòng sinh tử luân hồi thì cơ hội sinh vào trong ba đường thiện rất ít, ngược lại, nguy cơ rơi vào trong ba đường ác lại rất lớn.

3.

Người đời rất ít ai biết được chân tướng sự thật của cuộc sống, không ai là không chấp trước, cho chiếc thân này là của ta (chấp ngã). Cho nên, ai cũng tham sống sợ chết, ai cũng muốn tự tư tự lợi cho riêng bản thân mình, vì vậy mà tạo ra không biết bao nhiêu điều tội lỗi, đến nỗi không thể tự cứu lấy mình. Kết quả là đọa lạc. Vị trí của họ trong xã hội cứ đời này lại thấp hơn đời trước, đời sau lại thấp hơn đời này. Điều đó đã được đức Phật giảng giải rõ trong biểu đồ mười pháp giới, từ súc sinh đọa xuống ngạ quỷ, từ ngạ quỷ đọa xuống địa ngục. Nếu như hiểu rõ được sự thật chân tướng của cuộc đời thì những ý niệm phân biệt, chấp trước, vọng tưởng... tự nhiên đều bị tan biến hết. Họ biết được hễ rơi vào trong sáu đường, dù là ở cõi trời (Thiên đạo) cũng không tránh khỏi khổ đau. Pháp Phật đã dạy cho chúng ta biết cuộc đời có ba nỗi khổ, tám nỗi khổ, đó là sự thật.

Có thể lấy hình ảnh của một người bị giam trong nhà tù ở trần gian để làm thí dụ cho người bị đọa vào trong sáu nẻo luân hồi. Ở trần gian, người phạm tội sẽ bị giam tù và chịu hình phạt, mức án tùy theo mức độ phạm tội nặng hay nhẹ. Phạm tội nhẹ thì bị phạt nhẹ. Phạm tội nặng thì bị phạt nặng. Từ đó có thể liên tưởng đến hình ảnh của chúng sanh trong ba đường ác (địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh) là những chúng sanh phạm tội nặng, còn chúng sanh trong ba đường thiện (trời, người, a tu la) là những chúng sanh phạm tội nhẹ.

Bởi vậy, hễ ở trong sáu nẻo luân hồi là đều coi như ở trong lao tù, chịu hình phạt hết.

Trong kinh đức Phật thường dạy: "Ba cõi như lao ngục". Chúng sinh ở trong ba cõi, sáu đường giống như đang ở trong lao ngục. Đức Phật lấy ví dụ như vậy thật ra cũng không quá đáng. Chúng ta thử quan sát kỹ một chút, thì quả thật, gọi ba cõi, sáu đường là lao tù cũng rất phù hợp. Chừng nào chịu tội xong mới được ra tù, mới được tự do. Nhưng biết khi nào mới hết hạn tù, mới trả xong tội? Khi nào ở trong tù mà có biểu hiện, hành vi lương thiện, cải tạo tốt. Nếu như có biểu hiện thái độ và hành vi tốt thì được phóng thích, dù cho chưa hết hạn tù. Sự biểu hiện thái độ hành vi đó chính là chúng ta phải bỏ ác làm lành, nỗ lực tu tập, tiêu trừ nghiệp chướng, để thăng tiến vị trí trong xã hội, trong ba cõi, sáu đường. Làm như vậy mới mong sớm thoát ly lao ngục, sớm được tự do.

Chư Phật, Bồ tát đã phải khổ tâm nhọc trí để dạy dỗ cho chúng ta, cho nên, ân đức của quý Ngài đối với chúng ta còn cao sâu hơn cả ân đức của cha mẹ. Chúng ta phải luôn nhớ nghĩ đến ân đức của chư Phật, của thầy Tổ, y theo lời dạy mà tu hành, như vậy mới không cô phụ chính bản thân mình và không cô phụ công ơn dạy dỗ của chư Phật, Bồ tát.

Trong kinh Kim Cương đức Phật dạy các Bồ tát rằng: "Không nên thọ nhận phước đức". Câu nói này đối với hàng quyền thừa Bồ tát thì đơn giản, nhưng đối với hàng phàm phu chúng ta thì thật vô cùng quan trọng. Từ trước đến nay, chúng ta đã từng chứng kiến rất nhiều người phát tâm xuất gia tu hành, những năm đầu tiên, lúc mới bước chân vào đạo, cái tâm của họ rất tốt, sự tu tập, hành trì đều được mọi người trong xã hội tôn trọng, cung kính, tán dương; nhưng đến tuổi trung niên hoặc về già, tự nhiên lại bị biến chất, tha hóa, đọa lạc. Chúng ta thử hỏi nguyên nhân vì sao? Bởi vì họ chỉ lo hưởng thụ phước báo hiện tiền, cho nên đã quên mất tự tánh.

Vì sao? Vì chỉ lo hưởng thụ phước báo thì các tâm tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến... nhất định tăng trưởng. Vì vậy, không những không thể điều phục được tâm mình, mà ngược lại, các pháp bất thiện, những chướng duyên xấu ác mỗi ngày mỗi tăng trưởng thêm. Đây chính là nguyên nhân của sự đọa lạc. Ngoại trừ những bậc đại Bồ tát đã thấy được tự tánh, quý Ngài tuy có thọ nhận phước đức cúng dường, nhưng tâm địa của quý Ngài thanh tịnh

tuyệt đối, một hạt bụi cũng không vướng, không bị các pháp bên ngoài làm cho ô nhiễm. Thế nhưng, khi chư vị Bồ tát vì chúng ta mà thị hiện trở lại cuộc đời này để hóa độ, quý Ngài vẫn còn thể hiện hành vi "không thọ nhận phước đức cúng dường". Sự thị hiện của chư Phật, cũng như của lịch đại chư vị Tổ sư, đều là vì lòng đại từ, đại bi, muốn làm một tấm gương sáng cho tất cả chúng ta noi theo.

Quý Ngài hoằng pháp ở nhân gian là làm một tấm gương sáng cho người thế gian noi theo; thuyết pháp ở cõi trời là làm một tấm gương sáng cho chư thiên noi theo. Đó là quý Ngài tùy duyên hóa độ, tùy căn cơ, trình độ của chúng sanh mà thị hiện giáo hóa. Chúng ta thử nhìn lại, ở Trung Quốc, chư Phật, Bồ tát ứng hóa thị hiện rất nhiều, nhưng quý Ngài giáo hóa cao, thấp đều thích ứng, phù hợp. Phương thức sống của quý Ngài cực kỳ đơn giản, lúc nhất lúc khoan, khai mở nắm bắt tùy thời, tùy lúc. Đó mới là sự hiển thị lòng đại từ bi chân thật.

Cho nên, trong bước đường tu tập đạo bồ đề, để đề phòng bị rơi vào chỗ đọa lạc, chúng ta phải khắc cốt ghi tâm câu kinh "bất thọ phước đức", theo đó mà phụng hành suốt đời, không nên vi phạm.

Hối hận chi bằng đề phòng

Quý điều phước tốt nhất là tích phước

4.

Chúng ta là những người đã phát tâm xuất gia, việc ấy không phải ai cũng làm được. Người đã xuất gia thì không nên tái tạo lại tội nghiệp. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn là những phàm phu, trong tâm thức vẫn còn hàm tàng những hạt giống, những chủng tử bất thiện, xấu ác, những tập khí từ vô thủy đến nay, cho nên, nếu gặp điều kiện, nhân duyên, tác nhân xấu thì cũng khó mà tránh khỏi sai lầm. Vì vậy, trong cuộc sống tu tập, đòi hỏi chúng ta ở mọi nơi, mọi lúc, phải luôn luôn đề cao cảnh giác, xa lánh những nơi không tốt, để tránh "gần mực thì đen".

Đức Phật thường dạy các hàng Bồ tát, trong sáu pháp Ba la mật, hạnh Bố thí là đặc biệt quan trọng hơn hết. Bố thí chính là xả, là buông bỏ. Ba la mật quan trọng thứ hai là hạnh Nhẫn nhục. Đặc biệt, trong xã hội hiện nay, cuộc sống đầy đủ tiện nghi, vật chất dư thừa, thì lòng kiên nhẫn là một đức tính cần phải có. Chúng ta phải luôn luôn và mãi mãi thiết lập một cuộc sống biết đủ, an bần thủ đạo. Đức Thế Tôn thường dạy các đệ tử của mình: "Phải lấy khổ làm thầy, lấy giới làm thầy". Lời dạy này luôn luôn bảo vệ chúng ta trên bước đường tu đạo bồ đề, giúp chúng ta tránh khỏi các ác duyên làm trở ngại đường tu, tránh bị đọa lạc. Đặc biệt là đối với việc tiếp nhận của Phật tử cúng dường. Thuở đức Thế tôn còn tại thế, Ngài cùng chúng Tăng tiếp nhận của Phật tử tại gia cúng dường, vật thực chỉ giới hạn trong các nhu cầu căn bản của cuộc sống hằng ngày thật đơn giản, như thức ăn, y áo, tọa cụ và

thuốc men, gọi là tứ sự cúng dường. Ngày nay, xã hội đã phát triển, khoa học công nghệ cũng tiến bộ, cho nên tiêu chuẩn mức sống của con người rất cao, vì vậy tài vật cúng dường cũng nhiều. Đó là một điều rất đáng lo sợ! Vì sao?

Chúng ta thử nhìn lại xem, có rất nhiều người lúc mới xuất gia, mặc dù chưa có ai cúng dường, trong tay không có một xu, nhưng mà đạo tâm rất tốt, rất dũng mãnh. Ở trong chùa được một thời gian, khi có Phật tử cúng dường, thì cuộc sống tu tập bắt đầu chệnh mãng, chỉ biết lo hưởng thụ, đạo tâm mất dần. Bấy giờ, các tập khí phiền não từ vô thủy như tham, sân, si, mạn, nghi... không những bùng dậy mà còn tăng trưởng, lớn mạnh không dừng. Như vậy hỏi làm sao không đọa lạc? Người ta thường nói: "Địa ngục môn tiền Tăng Đạo đa", nghĩa là "Trước cửa địa ngục sao có nhiều người xuất gia và đạo sĩ quá". Câu nói này ắt có nguyên do, không phải là một lời nói tùy tiện. Do đó, chúng ta sống trong thời đại này, tín đồ cúng dường cho chúng ta, chúng ta phải biết tri túc, chỉ nhận vừa đủ cho một nếp sống đơn giản, thanh bần: y áo mặc vừa đủ ấm, ăn uống vừa đủ no, một căn phòng nhỏ đủ để che mưa nắng, thế là đầy đủ!

Chùa viện là nơi dùng để hoằng pháp lợi sinh. Khi chúng ta kiến lập, xây dựng một đạo tràng lớn, chúng ta phải tự hỏi: mục đích là để làm gì? Trong quá khứ, các tùng lâm tự viện đều là những trung tâm giáo dục Phật giáo tầm cỡ đại học, để cho tứ chúng đồng tu, cùng nghiên cứu, học tập, làm cơ sở tu hành. Phần lớn

các đạo tràng ấy đều do nhà nước xây dựng, hoặc do những đại thí chủ, những nhà trưởng giả giàu có bỏ tiền ra cúng dường xây dựng. Cho nên, chùa nào cũng có núi rừng ruộng đất, đó là tài sản của thường trụ Tam bảo. Số núi rừng ruộng đất này được dùng để cấp cho nông phu canh tác, trồng trọt. Sản phẩm thu hoạch được, một phần cúng vào chùa, phần còn lại để cho họ trang trải cuộc sống. Đó là mô hình sinh hoạt rất tiến bộ của các chùa viện thuở xưa, và cũng là nguyên do dẫn đến hình thức sinh hoạt của các tự viện ngày nay. Mục đích của tổ chức sinh hoạt này là muốn cho cuộc sống của nhà chùa phải tự túc. Tuyệt đối không phụ thuộc vào sự cúng dường của tín đồ, cũng không chủ trương hóa duyên, quyên góp. Sống ở trong một đạo tràng như vậy tâm của chúng ta nhất định được an ổn, sống tùy duyên mà không bị nhân duyên tác động, chi phối. Một đạo tràng như vậy không những không có tổ chức ma chay, cúng đám, mà ngay cả việc tổ chức pháp hội cũng rất hạn chế, một năm chỉ một hai lần. Đạo tràng tu tập như vậy mới thật sự chân chính tu hành, mới phù hợp với thời đại nông nghiệp.

Hoằng pháp lợi sinh có nghĩa là giúp đỡ mọi người phá mê, khai ngộ, giúp mọi người cải thiện cuộc sống, cho họ trí tuệ, giúp họ từ trong cuộc sống đầy dẫy những khổ đau, phiền não này mà được giải thoát. Giúp cho mọi người có được cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn và trí tuệ chân thật giống như chư Phật và Bồ tát. Đó mới gọi là hoằng dương Phật pháp, đó mới gọi là tu hành chân

chính. Không phải xây dựng chùa to Phật lớn, quanh năm tổ chức ma chay cúng đám... gọi là hoằng pháp!

Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển, giao thông tiện lợi. Do đó, hình thức sinh hoạt của một ngôi chùa hiện nay không nhất thiết phải xây dựng cho đồ sộ, trang nghiêm, mà điều cần thiết là phải lợi dụng các công cụ khoa học hiện đại, như máy vi tính, truyền hình, truyền thanh, internet, đĩa CD, VCD... để truyền bá Phật pháp Đại thừa. Phải biết rằng, khi tín đồ Phật tử cúng dường cho chúng ta, ngoài việc bảo hộ cuộc sống rất đơn giản của chúng ta, họ còn hy vọng chúng ta hoằng pháp lợi sinh, giúp họ cũng như mọi người khác phá mê, khai ngộ, xa lìa khổ đau, được vui hạnh phúc. Làm được như vậy mới không tạo tội nghiệp, mới có thể tránh khỏi đọa lạc.

Tuy nhiên, người xuất gia có nên lấy những việc như vậy làm mục đích cứu cánh không? Không nên! Vì sao? Vì nếu như trong tâm còn có việc để làm, thì đó là cái tâm đã theo duyên; cái tâm đã theo duyên thì đối với việc hiểu rõ đường sinh tử, thoát ly ba cõi đã phát sinh chướng ngại nghiêm trọng. Tín đồ Phật tử cúng dường cho chúng ta, chúng ta phải xem xét, tùy duyên mà thọ nhận. Phải hiểu rõ điều đó, giống như thuở xưa, Long cư sĩ nói rằng: "Việc tốt chẳng bằng không có việc, nhiều việc chẳng bằng ít việc". Người học Phật chân chính, tất cả đều đã được chư Phật, Bồ tát an bài rồi, bản thân mình không cần phải nghĩ ngợi thêm gì nữa. Như thế mới gọi là như pháp.

Như pháp có nghĩa là mọi nơi, mọi lúc phải luôn luôn giữ cho cái tâm của mình được thanh tịnh, giữ cho cái tâm được chánh niệm. Người niệm Phật thì phải luôn luôn nhớ danh hiệu Phật, đừng để những ý niệm khác xen tạp vào, làm gián đoạn. Tín đồ cúng dường nhiều là họ đã uỷ thác cho chúng ta thay thế họ làm việc thiện, uỷ thác cho chúng ta thay họ tu phước. Nếu như chúng ta đem tiền bạc ấy chi dùng vào những việc không chính đáng, không những họ không thể tu tạo phước đức, mà bản thân của chúng ta lại tạo ra tội chướng rất nặng. Điều này không thể không biết vậy!

Mục đích của sự tu tập là đạt được giác ngộ? giải thoát, còn tất cả những việc làm khác đều là thứ yếu. Dù vậy, khi có duyên sự, chúng ta cũng không nên bảo thủ quá, trở thành người tiêu cực. Nói thí dụ, nếu bạn là người niệm Phật đã đạt đến năng lực tự tại trong vấn đề sống chết, có thể vãng sinh bất cứ lúc nào, bấy giờ có một tín đồ, người này có một nhân duyên rất lớn muốn phát tâm cúng dường, thì đây chính là chư Phật, Bồ tát muốn bạn ở lại cuộc đời thêm một thời gian nữa. Khi công phu tu tập đã đạt được kết quả thì cần phải làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh, vì vậy không nên từ chối sự thỉnh cầu đó. Nếu bạn nghĩ: Tôi phải đi thôi! (YU nói vãng sinh). Thì bạn có thể đi, nhưng mà làm vậy sẽ tổn mất lòng từ bi. Cho nên, thỉnh Phật trụ thế, thỉnh chư vị thiện tri thức trụ thế lâu dài là có nguyên do, không phải là lời nói đầu môi, đây là điều mà tất cả chúng ta đều hiểu rõ. Mà đã

hiểu rõ rồi thì cứ y như vậy mà phụng hành. Việc ở lại đời thêm một thời gian, đối với việc vãng sinh Tịnh độ tuyệt đối không ảnh hưởng gì. Nhưng nhất định, các tâm lý như tham, sân, si, mạn... không được phát khởi.

Những người phát tâm xuất gia đạt được kết quả như vậy thật sự có lợi ích cho cuộc đời. Tôi muốn nói rằng, chỉ khi nào chúng ta tu tập có kết quả, thì việc hoằng dương chánh pháp, việc tiếp nhận của cúng dường mới tạo được phước đức cho chúng sanh. Ngược lại, khi công phu tu tập của chúng ta chưa có khả năng đoạn tận được tham, sân, si... mà đã lo việc hoằng dương Phật pháp hay tiếp nhận của cúng dường thì chỉ tạo thêm tội chướng, rất nguy hại cho bản thân và cả tha nhân.

Kinh luận chỉ bày:

Trăm năm chóng qua

Ngũ phước khó bền

Mạng như ánh chớp

Nghiệp như đất dày

Thật đáng kinh thay!

5.

Trong mấy ngày nghe giảng vừa qua, chúng ta đã thấu hiểu được lời dạy rất chân thành, khẩn thiết của đức Thế tôn. Trong đời ngư?i Phật tử, nếu như có thể lãnh hội được vài câu kinh, hay như trong kinh nói là có thể hiểu được một bài kệ bốn câu, hoặc cả bài, hoặc nửa bài, hoặc một câu, hai câu, tất cả đều được lợi lạc vô cùng.

Thật vậy, chúng ta thấy trong Phật pháp, chư vị đại đức Tổ sư thuở xưa, quý ngài tu hành, chứng quả, cũng chỉ cần lãnh hội được một hai câu trong kho tàng kinh luận mà thôi. Chúng ta thử nhìn lại ngoài đời, từ xưa đến nay, những người kiến tạo đại công, sáng lập nghiệp lớn, cũng chỉ nhờ vào sự lãnh hội thấu suốt những lời giáo huấn của những người đi trước. Như Trương Lương đời nhà Hán, một trong những người thành công nổi bật, ông được một ông lão tặng cho cuốn "Tổ thư", về sau giúp Hán cao tổ kiến công lập nghiệp, cũng chỉ nhờ vào sự lãnh hội được những lời dạy trong cuốn sách đó mà thôi. Thế mới hay, những người thành công chân chính, những người tu hành đắc đạo, ngoài đời cũng như trong đạo, đều nhờ vào bản thân họ có khả năng lãnh hội sâu sắc và khả năng ứng dụng thực tiễn. Sự tu hành, làm việc thành công hay thất bại, trong đạo hay ngoài đời, đều như vậy cả. Chúng ta không thể không biết, không thể không ghi nhớ điều này.

Phàm những người tu hành mà thân bại danh liệt thì nguyên nhân chính không gì khác hơn là do tập khí nhiều đời nhiều kiếp của bản thân cộng với các chướng duyên hiện tại. Những chướng duyên đó chính là vật chất, danh lợi trong cuộc đời, khiến cho những tập khí phiền não của chúng ta tăng trưởng, làm cho công đức tu hành bại hoại hết. Thật là đáng tiếc! Ở trong kinh luận, chúng ta thấy đức Thế tôn đã lao tâm nhọc trí dạy dỗ chúng ta, bất cứ nơi đâu, lúc nào cũng cảnh tỉnh chúng ta, khuyên chúng ta phải đề cao cảnh giác, cẩn thận đề phòng. Cho nên, đối với người tu, nhân tố đầu tiên để thành tựu đạo nghiệp đó chính là có thể điều phục được phi?n não. Đó là điều mà kinh Kim Cương gọi là "hàng phục kỳ tâm".

Trong kinh Kim Cương đức Phật dạy chúng ta phải nên "phát triển cái tâm không ở đâu cả". Đây là nguyên lý quan trọng nhất của sự tu tập. Vì muốn dạy chúng ta từ khi mới phát tâm tu hành đi thẳng đến địa vị Như lai, phải rời bỏ nhị nguyên, không nên bám víu vào cái có hoặc cái không, cho nên mới nói: "chẳng phải tướng, chẳng phải không tướng". Cho rằng có pháp là rơi vào một bên có, cho rằng không phải pháp là rơi vào một bên không, có – không gọi là nhị biên, cả hai phạm trù này đều không nên bám víu, chấp trước. Vậy phải làm thế nào? Đức Phật dạy chúng ta phải: "Phát khởi cái tâm không ở đâu cả mà làm bố thí".

"Phát khởi cái tâm không ở đâu cả" có nghĩa là từ bỏ các khái niệm về có, không bám víu vào các hình danh sắc tướng, để cho

tâm hoàn toàn vắng lặng, một sợi lông mảy bụi cũng không có. Đó chính là điều mà Lục tổ Huệ Năng gọi là: "Xưa nay không một vật" (bổn lai vô nhất vật).

"Thực hành bố thí" là ý nghĩa của sự không bị vướng kẹt vào ý niệm về không. Ý nghĩa của cả câu kinh là không bị vướng kẹt, không bám trụ vào ý niệm có và không. Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa của câu kinh này thì mới biết phương pháp tu tập.

Đức Phật thường dạy: "Hết thầy chư Thánh hiền đều dùng pháp vô vi mà có sai biệt"(1). Câu nói này có ý nghĩa rất quan trọng. Từ địa vị Sơ quả của Tiểu thừa đến địa vị Đẳng giác của Bồ tát Đại thừa, quý Ngài tu tập cái gì? Tu cái tâm "không ở vào hai bên" mà thôi! Bất kể quý Ngài dùng phương pháp tu tập gì, thủ đoạn thế nào, cho dù là tám vạn bốn ngàn pháp môn đi nữa, thì cái nguyên tắc tu tập căn bản đều không ra ngoài nguyên lý: "không ở vào hai bên". Do đó, chúng ta có thể nói, người chân chính tu hành, học Phật, không có gì khác hơn là học tập và huấn luyện cái tâm "không ở vào hai bên".

Bởi vì chấp có cho nên chúng ta mới không thể nào thoát ra khỏi Dục giới và Sắc giới; vì chấp không cho nên chúng ta không thể thoát ra khỏi Vô sắc giới. Nói cách khác, chấp có, chấp không là tạo nghiệp luân hồi. Ở trong cái có, cái không là ở trong cái tâm luân hồi. Lấy cái tâm luân hồi, tạo cái nghiệp luân hồi, thì làm sao

ra khỏi lục đạo? Thế mới biết, một câu kinh của Phật có ý nghĩa biết chừng nào! Ngài chỉ dạy cho chúng ta một câu "đừng ở vào cái có – không", là đã có thể đưa chúng ta thoát khỏi luân hồi, chứng nhập Vô thượng bồ đề. Đây gọi là pháp môn bất nhị.

Lặng lẽ phương Tây cõi niết bàn

Thanh thoi thả gót rời có - không

Sự lý nhân duyên quả báo rất phức tạp, hơn nữa nó liên hệ cả ba đời. Chúng ta chỉ cần để tâm quan sát, sự thật này có thể thấy trước mắt. Cho nên, không phải là không có quả báo, chỉ là thời gian chưa đến mà thôi.

6.

Đức Thế tôn thường dạy các đệ tử rằng, dù sống trong bất kỳ hoàn cảnh nào, thuận cảnh cũng tốt mà nghịch cảnh cũng tốt, đều phải tu tập song song giữa Phước và Huệ. Chúng ta không nên nghĩ rằng mục tiêu tối hậu của sự tu tập là phải đạt cho được Vô thượng bồ đề hay siêu thoát tam giới. Kỳ thật, cuộc sống an lạc hạnh phúc chân chính chúng ta có thể đạt được ngay trong hiện tại. Như vậy nhân với quả mới tương ứng. Cái nhân tốt đẹp thì đương nhiên kết quả phải tốt đẹp. Phước và Huệ là nguyên tắc tu hành mà trong kinh Kim Cương gọi là: "phải phát triển cái

tâm không ở vào đâu cả để thực hành bố thí". "Không ở vào đâu cả" có nghĩa là đối với tất cả các pháp đều không nắm giữ, chấp thủ. Thấu rõ được bản chất của các pháp, đồng thời buông bỏ tất cả, để cho tâm trống rỗng, không có vướng bận gì hết, hoàn toàn thanh tịnh, viên dung, tròn đầy. Đó là ý nghĩa mà đức Phật gọi là "vô trụ".

"Thực hành bố thí". Bố thí thì có nhiều nghĩa và nhiều cách. Đạo Phật của chúng ta lấy pháp giới chúng sanh làm đối tượng, cho nên, chúng ta phải dùng toàn tâm, toàn lực để chiếu cố đến tất cả mọi loài chúng sanh, giúp đỡ, phục vụ tất cả chúng sanh như chính bản thân mình. Như vậy mới có thể gọi là hiểu hai câu kinh mà đức Phật đã dạy. Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta, mọi cử chỉ hành động đều có thể đạt được toàn thiện, toàn mỹ. Chẳng hạn, không hưởng thụ cho riêng bản thân mình cũng là một cách bố thí. Sự bố thí đó được gọi là làm một tấm gương sáng cho tất cả mọi người noi theo, khiến cho mọi người khi nhìn vào đều sinh tâm ngưỡng mộ, cung kính. Từ sự ngưỡng mộ, cung kính họ sẽ phát tâm đi đến với ta, cùng ta tu hành.

Thí dụ, có một gia đình nọ có nếp sống rất lành mạnh, văn hóa, mẫu mực, cố nhiên là chỉ lo cho gia đình họ, nhưng như thế cũng đã có thể làm một tấm gương sáng cho hàng xóm noi theo rồi.

Cho nên, bố thí tuyệt đối không phải là chỉ đem một ít tiền đến chùa cúng dường là xong, là đủ. Hiểu nghĩa bố thí như vậy là nông

cạn lắm! YÙ nghĩa của sự bố thí rất rộng, rất sâu. Nhưng có thể nói một cách ngắn gọn, đó là làm một tấm gương tốt cho tất cả chúng sanh noi theo, là một cách bố thí. Cũng giống như chư Phật, Bồ tát làm một tấm gương sáng cho tất cả chúng ta noi theo vậy. Điều này chúng ta đã nói nhiều lần. Người học Phật cần phải thay đổi những quan niệm sai lầm. Đem cái tâm niệm của phàm phu đổi thành tâm niệm của Phật, Bồ tát; đem cách sống của phàm phu biến thành cách sống của Phật, Bồ tát.

Nói tóm lại, kẻ phàm phu thì khởi tâm niệm làm bất cứ việc gì cũng không ngoài mục đích có lợi cho riêng bản thân mình. Còn tâm niệm của chư Phật, Bồ tát làm bất cứ việc gì cũng muốn đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh. Nếu như chúng ta muốn học làm Phật, thì trước hết, phải dẹp bỏ cái tâm tự tư tự lợi cho riêng mình, ngược lại, phải phát khởi cái tâm làm lợi ích cho tất cả mọi người, mọi loài chúng sanh trong khắp hư không, pháp giới. Đó mới gọi là "học Phật", mới gọi là "giác ngộ".

Tại sao người đời không làm được những việc như vậy? Đức Phật đã hiểu rõ được sự thật chân tướng của nhân sinh và vũ trụ – vạn sự vạn vật tận cùng hư không, khắp cả pháp giới, đều do tự tánh biến hiện ra. Cho nên, hết thảy chúng sanh cùng một thể với bản thân mình, cái đó được gọi là "vô duyên đại từ, đồng thể đại bi". Do đó, quý Ngài xem người khác giống như bản thân mình, với mình là một, không có gì khác biệt. Còn phàm phu không thể làm được là bởi vì họ còn mê muội, không biết được sự thật của vũ

trụ nhân sinh là do tự tánh của mình biến hiện ra, lại cho rằng ở ngoài bản thân mình thật có sự vật hiện tượng. Vì vậy mà phát sinh ý niệm thương, ghét, chiếm hữu, tự tư tự lợi cho riêng bản thân mình, và đánh mất cái tâm rộng lớn vì lợi ích cho người khác, và không có ý nguyện vì lợi ích cho chúng sanh. Kẻ phàm phu ngu muội, quên mất tự tánh cho nên bị trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi; còn chư Phật, Bồ tát do thấy rõ tự tánh nên chỉ an trú trong nhất chân pháp giới(1). Ở trong những cảnh giới đó, cảm thọ hạnh phúc, khổ đau hoàn toàn khác nhau.

Chúng ta thử lấy một ví dụ đơn giản: Vì chúng sanh mê muội, cho nên phạm vi cuộc sống của chúng rất nhỏ, chỉ loanh quanh trong sáu nẻo luân hồi; mà ở trong sáu nẻo luân hồi ấy, sự sống, chết, xả thân, thọ thân phạm vi hoạt động còn nhỏ hơn nữa. Không phải chỉ chúng sanh ở Trung quốc, mà ở nước Mỹ cũng không ngoại lệ. Chúng ta thấy rất nhiều người cả một đời của họ không ra khỏi nơi mảnh đất mình sinh ra. Ở nước Mỹ, một số người thấy người khác thường đi du lịch nước ngoài họ cũng rất ngưỡng mộ. Đương nhiên, chúng ta sống trong cuộc đời này cũng có rất nhiều tiền tài, cũng có người rất giàu sang phú quý, cũng có tự do rất lớn, nhưng mà, không gian hoạt động của chúng ta, nói cho cùng, vẫn còn bị giới trong quả địa cầu này. Chúng ta không có cách gì để có thể thoát khỏi trái đất này để tiến thẳng vào hư không bao la, dù cho khoa tiến bộ đến mấy, cũng không thể đưa loài người thoát khỏi hành tinh này. Do đó có thể biết được rằng, chúng sanh mê muội là phải chịu rất nhiều đau khổ. Còn bậc thánh đã

giác ngộ, giống như chư Phật, Bồ tát thì quý Ngài đi lại rất tự do, phạm vi hoạt động của quý Ngài nói nhỏ thì ba ngàn Đại thiên thế giới, nói rộng thì tận cùng khắp hư không pháp giới, không nơi nào là không đến được.

Như chúng ta đã biết, trong kinh Vô lượng thọ có nói, chúng sanh ở thế giới Tây phương cực lạc có không gian hoạt động giống như chư Phật, không hề khác biệt. Tận cùng khắp hư không pháp giới, tất cả các quốc độ của chư Phật, hễ họ muốn đi là đi, muốn về là về, trong tích tắc.

Chúng ta có nói đến khổ và vui, ở đây không cần phải dùng ví dụ khác, chỉ cần nhìn từ khía cạnh này, chúng ta cũng hiểu được một hai phần.

Như vậy, học Phật là để làm gì? Nói một cách tổng quát, là để phát triển cái không gian, phạm vi cuộc sống của chúng ta, và ở trong không gian đó chúng ta có tự do tự tại, đồng thời tuổi thọ của chúng ta cũng rất dài.

Mạng sống của chúng sanh trong lục đạo rất ngắn ngủi, không thể so sánh được với chúng sanh ở bên thế giới Tây phương cực lạc – tuổi thọ của mọi người đều vô lượng, vô biên. Đạo lý này phải thấu hiểu, sự thật này phải thấy rõ, thì chúng ta mới có thể

giải đáp đúng đắn câu hỏi học Phật để làm gì? Vì sao phải thành Phật? Thành Bồ tát? Công đức và lợi ích thù thắng nhất của sự tu học chính là làm sáng tỏ được sự thật chân tướng này!

7.

Ngạn ngữ có câu: "gia hoà vạn sự hưng", nghĩa là gia đình trên dưới hòa thuận thì mọi việc đều phát triển tốt đẹp. Luận ngữ cũng có câu: "Lễ chi dụng, hòa vi quý", nghĩa là tác dụng của Lễ, quý nhất ở chữ hoà. Con người sống ở đời không thể tách rời khỏi xã hội, không thể tách rời khỏi tập thể, quần chúng để tự sinh tồn. Hay nói cách khác, tính tất yếu của con người là sống với và sống cùng mà không thể sống đơn lẻ, tồn tại độc lập với mọi cá thể khác. Sống trong xã hội, trong cộng đồng, trong tập thể, thì hoà hợp là điều quan trọng nhất. Cho nên, đức Thế tôn cùng với các đệ tử của Ngài đã phải chế định giới luật cho Tăng đoàn, cũng gọi là công ước của Tăng đoàn. Công ước đó không ngoài "sáu pháp hòa kính". Đây là điều mọi người ai nấy đều phải tuân thủ.

Cùng xuất gia tu học, bốn người sống chung với nhau, gọi là một chúng (hay một đoàn thể). Nếu như bốn người này đều có thể thiết lập cuộc sống bằng nguyên tắc tuân thủ sáu pháp hòa kính, thì đoàn thể này được gọi là Tăng đoàn. Vì vậy, một Tăng đoàn tối thiểu phải có bốn người, nhiều hơn nữa thì bao nhiêu cũng được. Chúng ta thấy trong Kinh Luận luôn luôn ghi nhận thuở

đức Thế tôn còn tại thế, Tăng đoàn của Ngài có đến 1250 vị tỳ kheo. Đó là một Tăng đoàn rất lớn. Nhưng bất luận Tăng đoàn lớn hay nhỏ, tất cả đều phải tuân thủ sáu nguyên tắc sống chung, đó sáu pháp hòa kính.

Điều hòa kính thứ nhất là Kiến hòa đồng giải, tức là cùng chia sẻ những hiểu biết cho nhau, đóng góp ý kiến xây dựng đoàn thể trên tinh thần hòa hợp mà xã hội ngày nay người ta gọi là kiến lập công thức. Đây là cơ sở để một đoàn thể hòa hợp. Mục đích tu học của đoàn thể Phật giáo là đạt được minh tâm kiến tánh, lấy đó làm mục tiêu hàng đầu trong cuộc sống. Mọi người ai nấy đều tìm cầu giác ngộ, mong muốn được minh tâm kiến tánh, cho nên sự hiểu biết, kiến giải của họ sẽ tương đồng. Ví dụ, tu tập theo pháp môn Tịnh độ, thì ai nấy đều mong muốn được vãng sinh về thế giới Tây phương cực lạc, được gần gũi đức Phật A Di Đà, được chứng Vô sinh pháp nhẫn.

? ngoài xã hội, một công ty kinh doanh, từ ông giám đốc đến các nhân viên, mọi người ai nấy đều mong ước tìm kiếm lợi nhuận cho công ty mình. Làm thế nào để nắm lấy cơ hội làm ăn tốt, làm thế nào để phát triển công ty, làm thế nào để có lợi nhuận, đó là một bài toán, đòi hỏi phải có công thức để giải quyết. Công thức duy nhất đưa đến thành công đó là sự đoàn kết. Tục ngữ có câu: "Ba người một lòng, sức mạnh phá thép". Đó là nói về sức mạnh của sự đoàn kết. Đoàn kết là thành công. Ngoài đời cũng vậy mà trong đạo cũng vậy.

Điều hòa kính thứ hai là "Giới hòa đồng tu". Giới luật chính là những điều mà ngày nay người ta gọi là luật pháp, hiến chương, qui chế. Đức Phật vì chúng ta mà chế định giới luật, chúng ta phải tuân thủ. Cuộc sống của chúng ta không thể tách rời khỏi xã hội, cho nên pháp luật của thế gian chúng ta cũng phải tuân thủ. Trong đó bao gồm cả những phong tục, tập quán, quan niệm đạo đức của xã hội, tất cả đều phải tuân thủ, như vậy mới có thể tạo nên một xã hội hoà bình, hạnh phúc và giàu mạnh được.

Giống như trong một công ty, họ có chương trình, kế hoạch, quy tắc... và từ giám đốc đến nhân viên, ai cũng phải tuân thủ theo chương trình và kế hoạch đó.

Điều hòa kính thứ ba là: "thân hòa đồng trụ", điều hòa kính thứ tư là: "khẩu hòa vô tranh". Hai điều hòa kính này đều là sự biểu hiện cụ thể của "giới hòa đồng tu". Mọi người ai nấy đều cùng làm việc, cùng tu tập, không có ý kiến bất đồng, thì không có gì để tranh chấp.

Điều hòa kính thứ năm là "ý hòa đồng duyệt", có nghĩa là cuộc sống của mỗi người đều tràn đầy niềm vui trong pháp. Bất kể là đời sống riêng tư hay sống chung với đoàn thể đều có thể sống một cách hoan hỷ, vui vẻ. Tâm hoan hỷ là suối nguồn của đời sống an lạc và hạnh phúc. Đó là điều mà tất cả chúng ta đều có thể đạt được trong hiện tại.

Điều hòa kính thứ sáu là: "lợi hòa đồng quân". Lợi có nghĩa là lợi dưỡng, tức là những vật chất trong cuộc sống, mọi người đều được hưởng thụ bình đẳng. Trong Tăng đoàn, không kể là thầy, là trò hoặc là trụ trì, phương trượng, hòa thượng, tất cả đều là chúng thanh tịnh trong một chùa, thì mọi vật chất như y áo, cơm nước, thuốc men... đều phải được phân chia đồng đều như nhau. Giống như trong một công ty, lợi nhuận có được là do mồ hôi nước mắt của mọi nhân viên, cho nên tất cả đều được trả lương hợp lý. Đương nhiên, tính chất công tác không giống nhau, chức vụ không giống nhau, thì lương bổng bất đồng, nhưng không giống như trong Tăng đoàn, Tăng đoàn là hoàn toàn bình đẳng, tuyệt đối bình đẳng. Luật pháp ở thế gian là phân công lao động và trả lương theo công việc, gọi là quân bình xã hội.

Một đạo tràng tuân thủ "sáu pháp hòa kính", thì đạo tràng đó được gọi là Tăng đoàn như pháp, tức là được chư Phật hộ niệm, được Long thần hộ pháp ủng hộ.

? ngoài đời, nếu một gia đình có thể tổ chức cuộc sống theo lời đức Phật dạy, tuân thủ "sáu pháp hòa kính", thì gia đình đó được gọi là "gia đình hòa hợp". Trong một công ty, từ giám đốc đến nhân viên, ai nấy đều tuân thủ theo "sáu pháp hòa kính", thì công ty đó được gọi là "một đoàn thể hòa hợp". Bất cứ một tổ chức nào sống theo nguyên tắc "sáu pháp hòa kính" nhất định đều được chư Phật, Bồ Tát, Thiện thần gia hộ, nhất định đều được

thành công. Tất cả chúng ta phải ghi nhớ và nhận thức rõ điều này để nỗ lực thực hiện.

Nếu như những kiến giải, những hiểu biết của chúng ta về giáo pháp của đức Phật mà khác biệt với đại chúng, thì gọi là "kiến giải bất hòa". Nếu "kiến giải bất hòa" thì phải nhanh chóng cầu xin chúng Tăng chỉ dạy để lấy lại chánh kiến, còn bằng không phải lập tức rút lui ra khỏi Tăng đoàn, nếu không sẽ phương hại đến Tăng đoàn. Đó là quyết định chính đáng. Vì sao? Bởi vì nếu gây ảnh hưởng xấu đến Tăng đoàn thì không những chỉ bản thân mình không được lợi ích mà còn mang tội "phá hòa hợp Tăng".

Tội "phá hòa hợp Tăng" rất nặng. Đức Phật nói đó là cái tội phá hoại đạo tâm của đại chúng, và phá luôn cả con đường tu tập chứng quả của đại chúng. Ở ngoài đời, trong một công ty, thì gọi là phá hoại hạnh phúc và lợi nhuận của công nhân. Tạo cái nghiệp như vậy, quả báo như thế nào có thể đã biết được. Làm trở ngại lợi ích của người khác thì quả báo chính là bản thân mình cũng không có lợi ích; phá vỡ hạnh phúc của người khác thì quả báo chính là bản thân mình cũng không có hạnh phúc. Nhân quả báo ứng một đường tơ kẻ tóc cũng không sai. Đó là chân lý, từ xưa đến nay không hề thay đổi. Điều đó không thể không biết!

8.

Trong kinh đức Phật thường dạy: tài trí, công danh, giàu sang, phú quý là quả, mà tu tập bố thí tài vật là nhân; thông minh, trí

tụê là quả, tu tập bố thí pháp là nhân; cơ thể khỏe mạnh, tuổi thọ lâu dài là quả, tu hạnh bố thí sự không sợ hãi (vô úy thí) là nhân.

Ở đời, không ai là không hy vọng mình được giàu sang phú quý, có địa vị quyền chức, được thông minh, trí tuệ và có sức khỏe, sống lâu. Ai cũng mong muốn như vậy, thế nhưng họ chẳng biết tu nhân. Không có nhân thì làm sao có quả? Cho nên, chúng ta muốn có được quả báo như ý thì nhất định phải biết tu nhân. Cái nhân tốt thì nhất định có quả báo tốt, mà cái nhân xấu thì nhất định có quả báo xấu. Đó là đạo lý, là chân lý, là sự thật không thay đổi. Các bạn chắc đã đọc qua cuốn "Liễu phàm tứ huấn", do đó nhất định đã hiểu rõ vấn đề này. Và vì vậy, các bạn cũng biết được phải tu tập cái nhân như thế nào để được quả báo tốt đẹp.

Chúng ta thấy, hiện nay ở ngoài xã hội có không ít người giàu sang phú quý. Quan sát kỹ, chúng ta thấy họ cũng không có chỗ nào hơn người ta, họ cũng giống như những người bình thường khác. Thế tại sao ở trong xã hội họ lại có địa vị, được mọi người tôn trọng? Tại sao họ lại được giàu sang phú quý? Người đời nhìn thấy hiện tượng như vậy thì cảm thấy rất bất bình. Cho rằng ông trời không công bằng. Tại sao ta cũng có trí tuệ, có năng lực hơn hẳn họ mà ta lại không có địa vị, không có quyền chức, không được giàu sang, ngược lại hằng ngày phải gánh chịu cuộc sống nghèo nàn, cực khổ? Vì chúng ta chỉ nhìn thấy những hiện tượng

trước mắt, không nhìn thấy được nhân duyên trong quá khứ và tương lai, cho nên mới nảy sinh những ý tưởng bất bình như vậy. Nếu như con người có thể thấy biết được quá khứ, hiện tại và tương lai, thì tâm của họ nhất định rất bình tĩnh. Vì sao? Vì họ hiểu được rằng, quả báo được giàu sang phú quý trong đời này là do trong đời trước người ta đã tu cái nhân thiện; còn tuy rằng đời nay có trí tuệ, có năng lực mà vẫn chịu nghèo khổ, bần cùng là do trong quá khứ không gieo trồng phước thiện. Cho nên, tu nhân gì thì được quả nấy, đó chính là cái điều mà ông bà mình hay nói 'trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu', định luật nhân quả báo ứng ấy không hề thay đổi.

Có người hỏi rằng: đời trước tôi không tu tập hạnh bố thí tài vật, trong đời này không thể giàu sang phú quý, vật chất đầy đủ hay sao? Xin trả lời: nhất định là như vậy. Biết được đạo lý này thì ngay bây giờ phải bắt đầu nỗ lực tu học đúng như pháp, vài năm sau, nhất định sẽ thấy quả báo hiện tiền. Những sự việc ghi lại trong sách "Liễu phàm tứ huấn" là một bằng chứng.

Sự thật trong cuộc đời này có rất nhiều người tu hành và đạt được quả báo giống như tiên sinh Liễu phàm. Chỉ là cư sĩ Liễu phàm đem sự việc tu hành của bản thân mình ghi lại thành sách; còn những người khác, họ cũng tu tập và đạt được kết quả như tiên sinh Liễu phàm, thậm chí còn đạt được quả báo thù thắng vi diệu hơn nữa, nhưng những người này không viết lại thành sách

mà thôi. Nếu như chúng ta quan sát kỹ, thì từ xưa đến nay, trong nước cũng như nước ngoài, đâu đâu cũng có sự thật quả báo nhân tiền. Đủ biết đó là sự thật, không phải điều hư vọng. Cho nên, chúng ta bắt tất phải ngưỡng mộ những người giàu sang phú quý, mà quan trọng hơn hết là phải nhận thức vấn đề nhân quả ấy để nỗ lực tu hành.

Nếu như không biết nỗ lực bỏ ác làm lành, thì dù có giàu sang phú quý cách mấy cũng khó mà duy trì được lâu dài. Từ xưa đến nay, những gia đình phú quý khó có ai giàu được cả ba đời, thậm chí trong một đời cũng khó mà duy trì. Cho nên ông bà mình mới nói "không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời". Những việc như vậy chúng ta thấy trong xã hội hiện tại rất nhiều. Có người làm ăn phát đạt, tiền tài bạc tỷ, địa vị cao sang, nhưng không được mấy năm, tất cả đều tiêu tan hết; họ vi phạm pháp luật và bị truy tố. Vấn đề nhân quả trong đó rất phức tạp. Được làm ăn phát đạt một thời gian như vậy là do trong quá khứ họ đã gieo trồng cái nhân thiện. Nhưng họ không thể duy trì được là bởi vì mê muội, vô tri, ngang tàng làm điều tội lỗi, cho nên mới tán gia bại sản chỉ trong chớp mắt. Đó là điều thật đáng tiếc. Những sự việc như vậy diễn ra trước mắt là một bài học cho tất cả chúng ta.

Thấy những người thành công, chúng ta cần phải học tập; thấy người thất bại, chúng ta phải tỉnh ngộ, quyết không đi theo con đường sai lầm của họ. Đó mới là người thật sự thông minh, biết bỏ ác làm lành, tích lũy công đức, sáng tạo một ngày mai tươi

sáng. Cần phải có con mắt tinh tế, biết nhìn xa trông rộng mới có thể tiếp nhận được lời dạy dỗ của đức Thế tôn: "Tu phước nhưng không nhận phước đức", điều đó cũng có nghĩa là chúng ta tận tâm tận lực tu phước nhưng không hưởng thụ phước, đó mới là phước báo vô lượng!

Vì sao tu phước mà không hưởng phước mới là phước lớn? Trong nhà Phật thường nói: "Nguyện đem công đức này, trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh". Có nghĩa là lấy cái công đức tu tập đó cầu nguyện được sanh sang cõi Tịnh, thì chắc chắn được sanh trong thượng phẩm, mau sớm thành Phật, điều đó không phải là phước đức không thể nghĩ bàn sao? Nếu như chỉ lo hưởng phước, thì không dễ gì thoát khỏi ba cõi. Hưởng phước mà biết tu tạo thêm phước, thì tương lai có thể được hưởng phước báo sanh lên cõi trời hoặc cõi người; còn nếu hưởng phước mà không lo tu tạo thêm phước, thì ngay trong đời này tuổi thọ ngắn ngủi, và đời sau thì không được làm người. Vì vậy mà trong kinh đức Phật thường nói "Thật đáng thương thay". Chúng ta phải biết tỉnh ngộ, phải nhận thức đúng đắn và học tập theo những lời Phật dạy để bản thân, gia đình và sự nghiệp, tất cả đều được tốt đẹp, như ý. Phật pháp có thể giúp chúng ta làm được như vậy. Điều đó được gọi là "Phật ở khắp nơi, có cầu sẽ ứng".

9.

Chữ Phật có nghĩa là giác ngộ. Học Phật có nghĩa là học làm người giác ngộ, tức là "phá mê khai ngộ". Tâm giác ngộ là tâm Bồ Tát, ngược lại, cái tâm mê hoặc điên đảo là cái tâm sinh tử luân hồi. Dùng cái tâm sinh tử luân hồi mà tu tất cả các pháp thiện thì cũng vô ích, cũng không thể thoát khỏi luân hồi. Tuy nhiên vẫn có được phước báo. Phước báo đó, theo như trong kinh nói, sẽ được sinh vào một trong sáu nẻo luân hồi nằm trong ba cõi, mà phước báo cao nhất là được sinh vào cõi Đại phạm thiên. Vua của cõi trời Đại phạm thiên vẫn là phàm phu, cũng không có cách gì để có thể thoát khỏi sự trôi lăn trong sáu nẻo. Hưởng hết phước báo rồi lại bị đọa lạc, luân hồi. Cho nên, làm Thượng đế cũng không phải là cứu cánh.

Học Phật cần phải có một cái tâm giác ngộ. Tâm giác là tâm thanh tịnh. Cho nên, người học Phật phải luôn luôn giữ cho cái tâm của mình được thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chính là tâm giác ngộ, trong tâm không có nghi hoặc, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, luôn luôn sống với cái tâm thanh tịnh, bình đẳng. Trong cuộc sống hằng ngày, bất kể chúng ta làm việc gì, ở đâu, tiếp xúc với ai, đều phải giữ cái tâm không nghi hoặc, không vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sống với cái tâm thanh tịnh. Giữ được cái tâm thanh tịnh như thế thì đó chính là "lục độ vạn hạnh" của Bồ Tát tu tập. Điều đó cho thấy Bồ Tát tu tập không tách rời cuộc sống, từ trong cuộc sống này mà tu tập thành tựu hạnh nguyện Bồ Tát một cách viên mãn. Không cần phải thay đổi cách

sống và môi trường làm việc, đó mới là tinh thần của Phật giáo Đại thừa.

Trong kinh luận Đại thừa thường nói "lý sự vô ngại, sự sự vô ngại", chúng ta phải lãnh hội cho được ý nghĩa của câu kinh này. Hoàn cảnh xã hội, môi trường làm việc, tính chất công việc, phương pháp làm việc của mỗi người có thể khác nhau, nhưng tất cả đều có thể thực hành tu tập hạnh nguyện của Bồ Tát và thành tựu đạo hạnh như các bậc Bồ Tát. Thực hành được như vậy chính là thể hiện tinh thần "lý sự vô ngại, sự sự vô ngại".

Tâm của Bồ Tát là chân thành, thanh tịnh, từ bi; hạnh của Bồ Tát là lìa tất cả các tướng, tu tất cả các điều thiện. Tu tập được như vậy thì có được an lạc, hạnh phúc mỹ mãn ngay trong hiện tại. Chỗ khác biệt giữa phàm phu với Bồ Tát là: phàm phu thì chỉ biết lo cho bản thân mình, còn Bồ Tát thì trong mỗi ý niệm đều nghĩ đến cứu độ chúng sanh, vì tất cả chúng sanh mà phục vụ. Dù làm tất cả những việc ấy, trong tâm của Bồ Tát vẫn không phân biệt, chấp trước, cho nên "làm mà coi như không làm, không làm mà làm tất cả". Điều đó có nghĩa là tuy làm mọi công việc, nhưng trong tâm thì coi như không làm việc gì hết. Vì vậy mà tâm của các ngài luôn luôn thanh tịnh, trong sáng. Đó là chỗ khác biệt giữa phàm phu và Bồ Tát.

Kẻ phàm phu thì làm việc gì cũng dẫn đo, phân biệt, chấp trước, có tu có được. Trong tâm chỉ có một ý niệm mê mờ, luyến ái, chấp thủ. Vì không thể nào thoát khỏi ý niệm vô minh, luyến ái, chấp thủ cho nên mãi mãi bị trôi lăn trong sinh tử luân hồi, không bao giờ thoát khỏi tam giới, không bao giờ tu hành được chứng quả. Đừng nói đến là quả vị của Bồ Tát Đại thừa, mà ngay cả quả vị đầu tiên (sơ quả) của Tiểu thừa cũng không đạt được, niệm Phật cũng không thể vãng sinh. Điều kiện cần và đủ để người niệm Phật có thể vãng sinh là thân tâm phải thanh tịnh. Trong tâm nếu còn một chút tham đắm, luyến ái đối với hoàn cảnh thế giới, với tất cả mọi việc trong sáu nẻo không thể nào buông bỏ được thì không bao giờ được vãng sinh. Điều này những người mong muốn cầu vãng sinh không thể không biết. Cho đến những vấn đề như cuộc sống trong tam giới, trong lục đạo so với cuộc sống siêu thoát ngoài tam giới, ngoài lục đạo khác nhau như thế nào, chúng ta đều phải biết một cách thấu đáo, rồi sau mới làm phát khởi cái tâm từ bỏ luân hồi, cầu thành Phật đạo.

Con người nếu không thoát khỏi được tam giới thì phạm vi cuộc sống của họ chỉ luẩn quẩn trong sáu nẻo luân hồi, không gian cuộc sống rất nhỏ bé, và đương nhiên cuộc sống cũng rất khổ đau. Thí dụ, cuộc sống của trời Phạm thiên vương, mặc dù phạm vi sinh hoạt của ông ta là bao quát cả lục đạo, nhưng nói cho cùng thì cũng chỉ trong ba cõi mà thôi, không thoát ra ngoài sáu nẻo luân hồi được. Ngày nay chúng ta được làm thân người, sống trong lục đạo cũng rất đáng thương! Phạm vi cuộc sống của

chúng ta không ra khỏi quả địa cầu này. Nếu như sinh vào đường súc sinh, thí dụ làm một con chó người ta nuôi trong nhà chẳng hạn, thì phạm vi sinh hoạt của nó không ra khỏi ngôi nhà của chủ. Chúng ta phải hiểu điều này, trong lục đạo, địa vị và phạm vi sinh hoạt của chúng ta rất nhỏ bé, rất đáng thương! Đó là nguyên do vì sao đức Phật dạy chúng ta phải cố gắng tu tập thành Phật, thành Bồ Tát. Mục đích là muốn chúng ta có một không gian cuộc sống bao la không giới hạn.

Trong đời này, chúng ta chỉ có một điều duy nhất để nắm giữ, một việc lớn nhất để làm, đó là cầu nguyện được vãng sinh sang thế giới Tây phương cực lạc. Sau khi sinh sang thế giới Tây phương cực lạc, phạm vi không gian cuộc sống của chúng ta, giống như trong kinh "Vô lượng thọ" đã nói, là tận cùng hư không, biến khắp pháp giới, giống như thế giới của các chư Phật. Trong mười phương quốc độ của chư Phật, nghĩ đi liền đi, nghĩ về liền về, rất tự do tự tại! Còn trong sáu đường luân hồi thì rất cuộc không thể thoát khỏi quả báo sinh tử 'xả thân thọ thân', nghĩ đến thật nói không hết khổ!

Được sinh sang thế giới Tây phương cực lạc thì tuổi thọ vô lượng vô biên, mãi mãi không bị sinh tử luân hồi. Tướng mạo thân thể thì tùy theo ý niệm của tất cả chúng sanh mà biến hóa ra, giống như trong kinh "Phổ môn" đã nói: "Chúng sinh muốn được độ bằng hình thức thân thể như thế nào, liền hiện ra thân như thế ấy để độ". Tôn Ngộ Không có 72 phép biến hóa, người đời ai nấy

đều ngưỡng mộ, trong khi đó thần thông biến hóa của chư Phật, Bồ Tát thì vô lượng vô biên, không giới hạn, không phải tư duy, tưởng tượng của con người có thể hiểu hết được, lại còn có quả báo rất thù thắng và cuộc sống hạnh phúc rất mỹ mãn, tại sao chúng ta lại không muốn? Nếu như thật sự muốn vãng sinh sang thế giới ấy thì nhất định phải đem cái tâm niệm tham luyến thế giới này buông bỏ hết, lấy cái tâm thanh tịnh chân thành niệm Phật. Trong một đời này nhất định thành tựu, tuyệt đối không quá.

10.

Người niệm Phật vì sao không được vãng sinh? Đây là vấn đề rất quan trọng. Người xưa nói, niệm Phật là pháp môn mà vạn người tu thì vạn người được vãng sinh. Nhưng vì sao ngày nay chúng ta thấy cả vạn người tu niệm Phật mà khó có được một hai người vãng sinh, nguyên do vì sao?. Có phải là người xưa nhìn sai, nói sai? Kỳ thật thì chư vị cổ đức không nói sai, cũng không nhìn sai. Người niệm Phật cầu vãng sinh mà không được vãng sinh Tịnh độ, nguyên do ở tại bản thân mình. Nói một cách cụ thể thì nguyên do đó không ngoài hai điều sau:

Một là do trình độ nhận thức về tông Tịnh độ, về phương pháp niệm Phật và về cảnh giới Tây phương không được rõ ràng, chính xác. Thêm nữa là quá trình tu tập hành trì còn có tâm nghi ngờ,

còn tạp niệm, còn gián đoạn, công phu tu tập chưa thuần nhất, chưa nỗ lực tinh tấn.

Hai là, mặc dù đối với pháp môn Tịnh độ đã có nhận thức, đã có phương pháp và cũng hiểu biết về cảnh giới Tây phương rõ ràng, nhưng không thể buông bỏ một cách dứt khoát các duyên nợ của cuộc đời, vẫn còn có tâm tham luyến thế gian, cho nên đến giờ phút lâm chung sinh lòng luyến tiếc, làm trở ngại việc vãng sinh. Đây là điều rất đáng tiếc!

Có một cuốn sách đang lưu hành trong thế gian, mà bản cũ có tên gọi là: "Chuẩn bị cho cái chết", sau này người ta viết lại cuốn này bằng văn bạch thoại với tên gọi mới là: "Những điều cần biết trước khi chết"(1), mọi người đều có thể tìm đọc. Cuốn sách này rất quan trọng, nó chỉ dạy cho người niệm Phật biết, trước lúc lâm chung, tất cả những người thân trong gia đình điều tốt nhất cần phải làm là tránh gây sự xúc động tình cảm, vì như vậy có thể làm cho người chết mất cơ hội vãng sinh, rất đáng tiếc!

Đó là chưa kể đến những chướng duyên khác. Chẳng hạn, không cần phải nói đời trước, ngay đời này, chúng ta cùng với chúng sanh đã gây cho nhau biết bao ân oán. Những ân oán oan trái này nó tiềm ẩn bên trong tâm thức, luôn luôn thúc đẩy sự báo thù, cho nên nơi nào cũng có ma chướng. Công phu tu tập của bản thân mình nếu không đủ định lực, không đủ niệm và định, thì lúc

lâm chung những ân oán, những oan trái, hiềm hận ở trong tâm trở thành ma lực làm chướng ngại sự vãng sinh của ta.

Vì vậy, lúc bình thường chúng ta phải nỗ lực tu tập, đến lúc lâm chung mới vượt qua được chướng ngại, đạt được mục đích vãng sinh Tịnh độ, tức cũng được gọi là giác ngộ. Cần phải nhận thức được thế giới Ta bà và sáu nẻo luân hồi là khổ đau, cho nên đặt quyết tâm không ở lại trong đó, quyết tâm giải thoát. Phải nhận thức việc niệm Phật cầu vãng sinh sang thế giới Tây phương cực lạc là quan trọng nhất, là phương pháp đạt được hạnh phúc tuyệt đối, là con đường đưa chúng ta thoát khỏi sinh tử luân hồi trong ba cõi, vĩnh viễn xa lìa khổ đau, thành tựu quả vị Phật. Phải tin rằng trong một đời này nhất định chúng ta sẽ được chứng đắc. Phải đem cái tâm tham đắm thế giới buông bỏ và làm cho cái tâm thanh tịnh của mình hiển lộ, trong tâm thanh tịnh không có bóng dáng của sự ô nhiễm.

Cái mà người đời ai cũng tham luyến là của cải vật chất, tiền bạc, công danh, giàu sang, địa vị, quyền lực; và ai cũng có tinh thần hưởng thụ; cho đến những tình cảm trong gia đình, tất cả đều là những ma chướng. Những thứ này không thể không từ bỏ, không thể không buông xả. Làm được như vậy thì cái mục đích mong muốn được vãng sinh Tịnh độ của chúng ta mới không bị trở ngại.

Trong cuốn "Niệm Phật luận", phần cuối, pháp sư Đàm Hư có ghi lại rất nhiều trường hợp người niệm Phật được vãng sanh do chính mắt Ngài chứng kiến, chỉ kể ra những trường hợp đặc biệt, còn kèm theo lời khai thị của lão pháp sư trong Phật thất. Trong đó có hai vị đệ tử của pháp sư Đế Nhàn, một vị tham thiền, một vị niệm Phật; còn có lão pháp sư trú trì chùa Đầu Đà, trong chùa này còn có sự tích của một đôi gà trống niệm Phật được vãng sanh. Đó là những trường hợp vãng sanh thời cận đại, được tập hợp lại in chung trong một cuốn sách nhỏ để phổ biến xa gần.

Chúng ta quan sát kỹ càng những vị thiện tri thức này, vì sao họ được vãng sanh một cách tự tại an nhiên như vậy? Chẳng có gì khác, vì họ đã buông bỏ được tất cả mọi duyên ràng buộc của cuộc đời. Cho nên, không những họ biết trước được giờ chết, mà thân còn không mang bệnh tật, có người đứng mà vãng sanh, có người ngồi mà vãng sanh. Đó thật sự là đại sự nhân duyên hy hữu, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay. Điều này thì Đại Phạm Thiên, vua của ba cõi, tuyệt đối không thể so sánh được. Chúng ta phải nhận thức rõ điều này để phát tâm chân thật, lấy những bậc thiện tri thức ấy làm gương, nỗ lực tu tập như họ. Họ có thể tu tập thành tựu, vì sao chúng ta không thể làm được? Nhất định phải tìm cho ra nguyên nhân nào đã khiến cho bản thân mình tu tập không thành tựu để kịp thời sửa đổi. Đồng thời phải học hỏi, xem xét nguyên nhân nào đã khiến người ta tu tập thành công. Chúng ta phải học tập, nghiên cứu cho tường tận. Như vậy mới hy vọng trong một kiếp này quyết định vãng sanh Tịnh độ. Thực

hiện được lý tưởng này, trong Phật pháp gọi là thành tựu viên mãn "đại sự nhân duyên".

Bản thân mình tu tập thành tựu thì sẽ cảm hoá được chúng sanh, bản thân mình thực hành thì người khác sẽ noi theo. Cho nên, thân giáo là hiện thân thuyết pháp, so với dạy bằng lời thì có hiệu quả hơn nhiều, có thể khiến kẻ thấy người nghe đều khởi tâm giác ngộ, phát đại nguyện cầu sanh Tịnh độ. Công đức này thật là vô lượng vô biên, phước huệ tự nhiên đều nằm trong đó.

Người niệm Phật cần phải đạt được nhất tâm bất loạn, không nên để ngoại cảnh nó làm dao động tâm thanh tịnh của chúng ta. Trong kinh Quán vô lượng thọ Phật, ở chương Thượng phẩm thượng sanh, đại sư Thiện Tôn đã khai thị rất rõ, đủ giúp cho chúng ta xác lập niềm tin kiên cố.

11.

Gần đây người ta thường nêu lên một vấn đề có tính chất cộng đồng, đó là làm thế nào để tránh khỏi những hiểm họa có thể xảy ra trong xã hội hiện đại này? Đây là vấn đề mà tất cả chúng ta đều cảm thấy bức xúc và cần phải tìm ra biện pháp giải quyết. Chúng ta là những người học Phật, đối với Phật pháp, ít nhiều đều có nhận thức, đều có niềm tin sâu sắc vào luật nhân quả.

Thật ra, trong đạo hay ngoài đời đều không thoát ra ngoài định luật nhân quả?. Tục ngữ có câu: "bát nước nắm cơm đều do tiền định". Trong cuộc đời của chúng ta gặp không biết bao nhiêu tai ương, hoạn nạn, tất cả đều có nguyên do của nó.

Bản thân tôi lúc mới học Phật, lão cư sĩ Chu Cảnh Trụ có kể cho tôi nghe một câu chuyện. Ông nói, vào năm Dân quốc thứ 21, khoảng ba tháng trước "Sự cố mồng 08 tháng 12"(1), bấy giờ ông hãy còn rất trẻ và làm giám đốc của một ngân hàng ở Tô châu. Những lúc rảnh rỗi, ông cùng một số bạn bè ngồi lại chuyện trò cho vui. Trong đó có hai người Trung Quốc nói rằng họ phải "tẩu âm sai", tức là đi làm người thông linh, bấy giờ trời đã tối, họ phải đến chỗ Thành hoàng âm phủ để làm việc. Mấy người bạn này có một điều nghi ngờ, nói rằng gần đây Thành hoàng ở Thượng Hải có đưa một cuốn danh bạ sanh tử, họ đang làm việc ở đó. Họ đọc danh bạ sanh tử nhưng chẳng hiểu gì cả, cảm thấy rất mơ hồ. Trong cuốn danh bạ ấy ghi tên người nào cũng có đến năm sáu chữ. Tên họ của người Trung Quốc dù cho là họ kép (phức tánh) cũng chỉ có bốn chữ, không có người nào có tên năm sáu chữ. Thế mà cuốn danh bạ ấy đại đa số là người có tên năm sáu chữ, khiến cho mọi người chẳng ai hiểu gì cả. Chu cư sĩ và mấy người bạn nghe nói cũng chẳng hiểu nguyên do vì sao. Qua ba tháng sau, ngày 8 tháng 12, người Nhật Bản phát động chiến tranh ở Thượng Hải. Trong cuộc chiến tranh này cả hai phía đều bị tổn thương rất nhiều. Bấy giờ mọi người mới hiểu ra, tên tuổi trong

cuốn danh bạ sanh tử ấy là của người Nhật Bản đã bị tử vong trong cuộc chiến ở Thượng Hải.

Bấy giờ, ở dương gian, Tô Châu là một huyện, Thượng Hải là một thành phố đặc biệt. Nhưng ở âm phủ, Tô Châu là một tỉnh, thành hoàng là một chức vụ tương đương chủ tịch tỉnh (tỉnh trưởng) ở dương gian; còn Thượng Hải chỉ là một huyện mà thôi. Cho nên, ở Thượng Hải xảy ra việc gì đều phải báo cáo cho thành hoàng Tô Châu.

Kể xong câu chuyện, cư sĩ Chu nói với chúng tôi rằng, con người sống ở thế gian, trong một đời người, dù có gặp hoạn nạn gì, đều diễn ra theo định luật nhân quả hết. Nói một khác, những người chết trong cuộc chiến tranh ấy chắc chắn cũng tuân theo định luật nhân quả. Các bạn thử nhìn xem, khi cuộc chiến tranh chưa bùng nổ, thì trước đó ba tháng, một danh sách những người tử trận đã được gửi đến cho thành hoàng âm phủ Tô Châu. Đây là một câu chuyện có thật, chẳng phải bịa đặt ra để mê hoặc lòng người. Do đó, trong cuộc đời chúng ta, dù gặp bất cứ chuyện gì, lành hay dữ, đều do nhân duyên chúng ta đã gieo trồng.

Nhưng nếu nói vậy, chúng ta có thể thay đổi vận mạng cuộc đời mình hay không? Xin thưa rằng, chắc chắn thay đổi được. Vì sao? Bởi vì tất cả mọi sự việc đều có duyên do của nó. Cho nên, muốn tiêu tai miễn nạn thì phải biết được nguyên nhân đã gây ra nó,

tức là phải tu học, phải có phương pháp. Cái nhân của tai hoạ chính là đã tạo ra các nghiệp xấu ác trong quá khứ, cái nhân này không thể thay đổi được. Nhưng từ nghiệp nhân muốn hình thành nên quả báo đòi hỏi phải có các duyên khác. Nhân thì không thể thay đổi, nhưng duyên thì có thể khống chế được. Cho nên, trong "Duyên sanh luận" của Phật pháp không nói nhân sanh mà nói duyên sanh, chính là muốn nói chúng ta có thể khống chế các duyên đưa tới quả. Nếu không muốn bị quả báo ác ngay đời này thì chúng ta phải cắt đứt tất cả mọi duyên xấu ác.

Chúng ta đề xướng "Tứ hảo", đó là giữ tâm tốt, làm việc tốt, nói lời tốt và làm người tốt. Đây là phương pháp tu học cụ thể nhất để tiêu tai miễn nạn, để thay đổi vận mạng cuộc đời chúng ta. Đây chính là con đường "đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức". Thực hành được "bốn điều tốt" này mới thực sự chặt đứt các duyên ác, khiến cho cái nhân ác không có điều kiện hình thành quả báo ác. Song, nên biết rằng, nếu như không thể giải thoát ra khỏi ba cõi, chỉ có thể ngăn chặn các duyên ác trong một đời này khiến cho cái nhân ác không có cơ hội hiện hành quả báo ác, còn đời sau không thể ngăn chặn được. Mà không thể ngăn chặn được thì vẫn bị quả báo ác như thường, cho nên mới nói "không phải là không có quả báo, chỉ là chưa tới lúc". Vả lại, định luật nhân quả chi phối cả ba cõi, nếu chưa thoát khỏi ba cõi, thì không thể tránh được. Cho nên, muốn vĩnh viễn thoát khỏi quả báo ác, hay nói cách khác, muốn thoát mọi khổ đau hệ lụy trong cuộc đời này, chỉ còn một biện pháp duy nhất đó là phải nỗ lực tu tập để vượt thoát sáu nẻo luân hồi. Đối với chúng sanh phàm phu như chúng ta, muốn thoát khỏi sáu nẻo luân hồi chỉ có một biện pháp

duy nhất, đó là niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ. Do đó, phải biết rằng, pháp môn niệm Phật có thể tiêu trừ nghiệp chướng, có thể chuyển được nghiệp. Giải thoát khỏi ba cõi là việc lớn, tiêu tai miễn nạn là chuyện nhỏ. Việc lớn đã làm được, thì việc nhỏ không đáng để bận tâm.

Cho nên, có thể kết luận rằng, duy trì chánh niệm, chân thành niệm Phật, thì có thể tiêu trừ tất cả mọi tai nạn. Đây là pháp môn tu hành hiệu quả nhất. Cho nên, người tu pháp môn niệm Phật không cần phải dùng các pháp môn khác, như lạy Lương Hoàng Sám, Thủy Sám...

Đại sư Từ Vân từng nói, nghiệp ác cực trọng thì dù lạy sám bao nhiêu kinh cũng khó mà tiêu trừ, nhưng chỉ với một câu A Di Đà Phật, niệm niệm liên tục, giữ cho thanh tịnh, thì tiêu trừ tất cả. Cho nên, niệm Phật là pháp môn vi diệu, tiêu trừ tất cả các tội chướng. Nếu như có niềm tin sâu sắc, không nghi ngờ, y theo pháp môn này mà tu, thì người nào cũng có phước. Người có phước thì gặp hung cũng hoá kiết, gặp nạn hoá tường. Niệm Phật cầu sanh Tịnh độ là pháp môn duy nhất tiêu trừ tất cả tai nạn, hiểm nguy.

Gần đây, sư Ngô Hoằng ở Mỹ có đọc một báo cáo của Bác sĩ Ngụy Tư, có tựa đề: Sanh mạng luân hồi – phương pháp trị liệu vượt thời gian (bản dịch Trung văn), nội dung bản báo cáo này nói rằng ông ta đã dùng phương pháp thôi miên để trị bệnh cho bệnh nhân và có hiệu quả rất cao. Ông ta phát hiện gần đây có rất nhiều bệnh nhân mắc bệnh trầm cảm rất nặng mà tất cả thuốc men y học không thể nào điều trị được. Vì vậy ông đã dùng phương pháp thôi miên để tìm ra nguyên nhân của căn bệnh và ông đã phát hiện ra rằng, bệnh trạng của các căn bệnh như lo lắng, sợ hãi, bất an... nó có quan hệ mật thiết với những hành động mà họ đã tạo ra trong quá khứ. Phương pháp thôi miên có thể truy tìm về quá khứ một đời, hai đời, thậm chí nhiều đời về trước, và phát hiện được những nghiệp nhân đã tạo trong quá khứ có quan hệ rất mật thiết với căn bệnh hiện tại. Ông đem những điều đã phát hiện được trình bày rõ ràng cho bệnh nhân nghe. Sau khi bệnh nhân hiểu rõ, họ có thể tự biết phải làm gì. Từ đó về sau, những nỗi ưu tư, phiền muộn, lo âu, sợ hãi, bất an... đều biến mất hết, cho nên không cần thuốc men gì cả mà bệnh của họ vẫn được trị lành. Ông bác sĩ đã dùng phương pháp này trị lành cho nhiều bệnh nhân, do đó, ông đã viết lại công trình này báo cáo lên bộ y tế.

Sư Ngô Hoằng nói với tôi, những điều trình bày trong bản báo cáo với những lời Phật dạy về Nhân duyên quả báo, thật không sai một chút nào. Vì thế, ông bác sĩ này đã có niềm tin sâu sắc đối với giáo lý nhân quả báo ứng của nhà Phật. Không chỉ tin nhân

quả báo ứng, mà còn tin cả sự thật luân hồi. Thực ra, những điều ông phát hiện chỉ là những sự tương đương nhiên, còn những nguyên lý bên trong nó, ông vẫn chưa phát hiện ra được. Ông ta chỉ biết có nhân quả báo ứng, có luân hồi, nhưng luân hồi là thế nào, đó là vấn đề ông ta chưa hiểu.

Thời xưa, ở Ấn Độ, những nhà tôn giáo lớn họ đều có công phu thiền định rất sâu, cho nên, những gì diễn ra trong lục đạo họ đều có thể lý giải rất rõ ràng, minh bạch. Tuy nhiên, đối với vấn đề luân hồi, họ không thể hiểu được nguyên lý của nó, không biết luân hồi về đâu, sanh ở chốn nào, và không có phương pháp để chấm dứt luân hồi. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện ở trần gian cũng vì một nhân duyên này. Từ đó mới có câu nói "Vì đại sự nhân duyên" mà xuất hiện ở đời. Nói một cách khác, những gì mà người đời có thể giải quyết được thì chư Phật và Bồ Tát không cần xuất hiện làm gì; nhưng nếu chúng sanh không có phương pháp giải quyết thì chư Phật, Bồ Tát không thể không xuất hiện ở đời để giúp đỡ chúng sanh giải quyết vấn đề. Vì vậy, những thắc mắc ấy đã có đáp án xác thực trong kinh luận Phật giáo.

Đức Phật đã chỉ rõ cho chúng ta thấy chân tướng của sáu nẻo luân hồi. Ở thế gian, những người sử dụng phương pháp thôi miên, thấy được quá khứ, đó không phải là những khám phá mới lạ; bằng công phu thiền định, thấy được cảnh giới hiện lượng(1), đó mới là những khám phá kỳ diệu. Nói đến thiền định thì, định lực của người đời không bằng một vị A la hán; định lực của A la

hán không bằng Bồ Tát; định lực của Bồ Tát không bằng Phật. Cho nên, đối với tất cả các pháp thế gian cũng như xuất thế gian, đức Phật đều nhìn thấy bằng cảnh giới hiện lượng, tức là cảnh giới hiện tiền, trực giác, chứ không phải nhìn bằng tư duy phân biệt, không phải nhận thức bằng tỷ lượng(2).

Đức Phật dạy cho chúng ta đạo lý nhân duyên quả báo, dĩ là đạo lý hoàn toàn chân thật. Hiểu rõ đạo lý này tâm của chúng ta tự nhiên được bình an, tự tại. Tất cả những ân oán bất luận là trong đối nhân, xử thế, hay trong gia đình, sự nghiệp, bạn bè, hoặc là trong thuận cảnh, nghịch cảnh... đều có quan hệ mật thiết với đời trước. Nếu như ai cũng hiểu được đạo lý này thì tự nhiên thấy nhẹ nhàng, thanh thản hơn. Từ đó, tiến thêm một bước nữa tu học Phật pháp để đạt được tâm thanh tịnh không phải là khó. Nếu như có duyên gặp được pháp môn Tịnh độ, lấy tâm thanh tịnh để niệm Phật, thì nhất định đạt được nhất tâm bất loạn, tự tại vãng sanh, thẳng đến thành Phật. Ở đây, điều then chốt là phải xem người đời có phước phần để gặp được giáo pháp Đại thừa và pháp môn Tịnh độ hay không. Đây cũng chính là điều mà trong kinh Di Đà đã nói: "Không thể dùng một ít thiện căn, một chút phước đức, một chút nhân duyên mà có thể vãng sanh Tịnh độ". Do đó, có niềm tin sâu sắc vào định luật nhân duyên quả báo, có thể nói đó là điều kiện, là cơ sở tốt nhất cho hành trình tu học Phật pháp.

Có một số người xuất gia, trong cuộc sống thường ngày, khi đối diện với công việc họ không biết phải giải quyết như thế nào? Trường hợp này cũng giống như những người ngày thường đọc thuộc binh thư nhưng khi ra chiến trường thì chẳng biết đánh giặc thế nào. Vấn đề này do đâu mà ra? Do "ăn mà không tiêu". Bình thường tụng đọc kinh luận rất nhiều, cũng có niệm Phật, cũng có tham thiền, nhưng không biết vận dụng trong cuộc sống, không biết phải làm những gì, không biết phải đối nhân, xử thế, tiếp vật ra sao. Nói cách khác, họ hoàn toàn không ứng dụng được những điều đã học vào trong đời sống tu tập. Đối với những đạo lý, những nguyên lý, nguyên tắc trong kinh luận họ không hiểu hết ý nghĩa của nó và không tiêu hoá được.

Chúng ta nói tiêu hoá, trong Phật pháp gọi là tiêu quy tự tánh, tức là phải biến những gì đã học trở về tự tánh của mình. Có khả năng tiêu quy tự tánh thì có tác dụng, có thể vận dụng vào trong cuộc sống; ngược lại, không thể tiêu quy tự tánh thì chẳng có tác dụng gì. Trường hợp này người ta gọi là đọc sách chết, còn gọi là làm con mọt sách. Đọc kinh sách Phật như thế thì biến thành con mọt trong sách Phật. Tu học như vậy, không phải do kinh luận có vấn đề, mà do thái độ và phương pháp tu học của bản thân mình có vấn đề. Do đó, cần phải biết điều chỉnh lại thái độ tu học. Phương pháp điều chỉnh như sau:

Một là, về lý luận kinh điển, nguyên tắc tu học, cùng với hết thảy cảnh duyên, đều phải hiểu rõ ràng, chính xác. Cảnh có nghĩa là hoàn cảnh vật chất; duyên có nghĩa là hoàn cảnh con người.

Hai là, phải ứng dụng những điều đã học vào trong cuộc sống hằng ngày.

Trong kinh Kim Cương, đoạn mở đầu, đức Phật đã thị hiện cho chúng ta thấy, ý nghĩa của nó cực kỳ sâu rộng, chúng ta không dễ gì hiểu hết được. Đức Thế Tôn từ khi mới phát tâm cho đến khi thành Phật, trong khoảng thời gian đó có vô lượng kiếp tu nhân giải thoát, đều ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, như mặc áo, ăn cơm... Cho nên, mở đầu bản kinh chúng ta thấy hình ảnh đức Thế Tôn thức dậy, rửa mặt, rửa chân tay, đắp y, mang bát vào thành khất thực, cho đến khi trở về rửa tay chân, sốt bát, ngộ trai, rồi thuyết pháp, kinh hành v.v... Tất cả những sinh hoạt ấy đều mang ý nghĩa một bài pháp thoại sống động bằng thân hành mà không một bài pháp thoại bằng lời nào có thể so sánh được. Đó cũng chính là điều mà kinh Hoa Nghiêm gọi là một tức tất cả, tất cả tức một. Một tức là chỉ một việc duy. Chẳng hạn như đắp y, đức Thế Tôn đã thể hiện việc này từ khi mới phát tâm cho đến khi thành chánh giác không hề thay đổi. Đây là việc không thể nghĩ bàn.

Nói rõ hơn như trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thiện Tài đồng tử tham vấn năm mươi ba vị Bồ Tát. Sự thể hiện của năm mươi ba vị thiện tri thức này cùng với đức Phật Thích Ca Mâu Ni không có gì khác nhau, tất cả đều đem những gì mình học, mình tu ứng dụng vào trong cuộc sống hằng ngày. Cho nên, học và vận dụng những điều đã học vào trong cuộc sống là biểu hiện trí tuệ cao

nhất, mới phát huy được năng lực tự tại. Chúng ta học Phật là phải học như vậy.

Sau khi hội Phật học Tịnh độ tông thành lập, chúng ta đã ký kết năm nguyên tắc bắt buộc phải tuân thủ thực hành trong sinh hoạt hằng ngày. Năm nguyên tắc này là những điều đã được ghi trong kinh Quán vô lượng thọ, đó là tu học và thực hành: tam phước, lục hoà, tam học, lục độ và 10 hạnh nguyện của Bồ tát Phổ Hiền. Chúng ta phải đem năm điều này ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày. Đồng thời, y theo năm điều này, chúng ta lấy những đạo lý, những lời giáo huấn trong kinh luận bổ sung thêm để xây dựng một cuộc sống toàn thiện, toàn mỹ và trí tuệ. Đó là nghệ thuật sống đạt đến cảnh giới cao nhất.

14

Trong cuốn "Niệm Phật luận", pháp sư Đàm Hư ghi lại trường hợp vãng sanh của ba vị cư sĩ thời cận đại. Và trong lần khai thị ở khoá tu Phật thất tổ chức tại Hương Cảng, ông đã tận mắt chứng kiến một người niệm Phật được vãng sanh. Theo Phật pháp, trong "tam chuyển pháp luân(1)", thì đây chính là "tác chứng chuyển". Chúng ta đã thấy, đã nghe, cho nên không thể không tin. Trước đây, tại Đài Loan, có bà mẹ của viên tướng quân Đài nam, đứng niệm Phật mà vãng sanh. Ở Đài bắc thì có cư sĩ Lý Tế Hoa biết trước giờ chết, cho gọi đại chúng lại khai thị một lúc, rồi

từ biệt mọi người, ngồi vãng sanh một cách tự tại. Hiện nay, Cam lão cư sĩ ở núi Cựu Kim, đang tham gia hội niệm Phật, cũng là một trong những người chứng kiến.

Chúng tôi chỉ đặc biệt nêu ra vài vị vãng sanh thời cận đại, mà trong đó, mỗi người đều đạt đến cảnh giới tự do tự tại, thật sự khiến cho những người học Phật như chúng ta hâm mộ, kính trọng không thôi! Trong chúng ta cũng sẽ có người tu tập thành tựu như họ. Sự thành tựu này mới là chân thật. Tuyệt đối không phải như sự thành tựu công danh, lợi lộc ở ngoài đời, tất cả đều là hư vọng, không thật. Giống như trong kinh Kim Cương đã nói, tất cả các hình tướng đều là hư vọng, hay hết thảy các pháp hữu vi đều giống như giấc mộng, giả dối không thật, như bọt sóng, như tia chớp. Tất cả đều không thật. Duy chỉ có một niệm danh hiệu Phật được vãng sanh là chân thật, không có sự thành tựu nào có thể so sánh được. Người học Phật, nhất là người niệm Phật, không thể không biết, không thể không thành tựu.

Chúng ta thấy, những người được vãng sanh họ cũng là những người rất bình thường, họ có thể làm được, tại sao chúng ta không làm được? Vãng sanh sang thế giới Tây phương Cực lạc liền được thành Phật, thành Bồ Tát. Điều này chứng tỏ "Phật pháp có thể thành tựu ngay đời này", "nhân duyên hy hữu khó gặp". Hy vọng tất cả mọi người đừng nên bỏ qua cơ hội này, hãy cố gắng trong một kiếp này cùng sanh về cõi Cực lạc, tương lai mọi người đều có thể gặp nhau ở cõi Tịnh độ. Lấy cõi Tịnh độ làm đạo tràng tu tập của chúng ta, rồi tiến thêm một bước nữa là

phát nguyện đem giáo pháp giáo hoá cho hết thảy mọi loài chúng sanh ở tận hư không, biến khắp pháp giới, nơi đâu cũng thấm nhuần mưa pháp. Giúp đức Phật Di Đà, cũng như tất cả chư Phật Như Lai, tiếp dẫn tất cả mọi loài chúng sanh. Nếu như chúng ta tu hành thành tựu, thì cuộc đời này của chúng ta thật sự có giá trị và ý nghĩa biết bao!

Nếu như không được vãng sanh, thì đừng nói đến công danh phú quý ở thế gian, mà ngay cả một chút công phu thiền định và trí tuệ trong Phật pháp cũng không giữ được. Nguyên nhân là không thoát ra được lục đạo, thì không tránh khỏi muôn kiếp luân hồi. Đây là sự thật mà tất cả chúng ta phải cảnh giác.

Quan sát kỹ giữa hai thế giới và so sánh thì tự nhiên chúng ta sẽ bỏ thế giới Ta bà mong được sang thế giới Cực lạc. Đó là một sự lựa chọn rất trí tuệ, rất thực tế, và rất lợi ích. Trong kinh đức Phật dạy cho chúng ta biết như vậy. Những người đã được vãng sanh là một tấm gương tốt, một chứng minh cụ thể cho chúng ta thấy những lời Phật dạy là hoàn toàn sự thật, tuyệt đối không giả dối. Bản thân chúng ta phải nỗ lực tu học, và còn phải đem những sự thật này nói cho người khác nghe, để cho mọi người đều hiểu sự thật này, khiến cho tất cả đều phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh độ. Làm được như vậy mới thực sự được gọi là "trên báo bốn ơn nặng, dưới cứu ba đường khổ".

Gần đây có nhiều người cho rằng bản soạn dịch kinh Vô lượng thọ(1) là không chính xác, cho nên chủ trương dùng bản dịch gốc. Vấn đề này chúng ta nghe nói rất nhiều. Trong bài tựa của bản soạn dịch, cư sĩ Mai Quang Hy và Hạ Liên Cư đã có nói rất rõ ràng. Cư sĩ Mai là người thâm Nho học, nhưng cũng rất am tường Phật học, hiểu và hành rất sâu, công phu rất nghiêm mật. Lúc bấy giờ trong giới cư sĩ tại gia lưu truyền danh hiệu "nam Mai bắc Hạ", đó chính là danh xưng mà giới Phật giáo suy tôn và kính trọng cư sĩ Mai Quang Hy và Hạ Liên Cư.

Kinh Vô lượng thọ được cư sĩ Vương Long Thư soạn dịch lần đầu vào triều nam Tống, niên hiệu Thiệu Hưng thứ 30 (1160 TL). Ông tham chiếu các bản dịch đang lưu hành để biên soạn lại kinh này mà không dịch trực tiếp từ bản chữ Phạn. Bản soạn dịch của Vương cư sĩ sớm được đưa vào Đại tạng kinh. Đến cuối đời nhà Minh, đại sư Liên Trì trước tác bộ Di Đà sơ sao, trong đó có trích dẫn rất nhiều đoạn kinh Vô lượng thọ, mà đa số là sử dụng bản soạn dịch của Vương Long Thư. Do đó có thể thấy bản soạn dịch này đã được lịch đại chư vị tổ sư đại đức tôn trọng. Bản soạn dịch ấy tất nhiên cũng có khuyết điểm, cho nên Ấn Quang đại sư đã có phê bình, nhưng không có nói là không thể dùng được. Sau này, cư sĩ Ngụy Nguyên biên tập lại, có phần tiến bộ và chính xác hơn bản dịch của cư sĩ Long Thư rất nhiều, nhưng vẫn còn có sai sót, cho nên cũng không phải là bản hoàn thiện. Mới đây, cư sĩ Hạ Liên Cư biên dịch lại lần thứ ba, hy vọng có thể đính chính

những khuyết điểm của các bản dịch của các bậc tiền bối. Đây là bản dịch sau hết, bấy giờ đã được lão pháp sư Huệ Minh ấn chứng, lại được đại sư Từ Châu đem ra giảng ở Tề Nam, hơn nữa bản này dùng làm tư liệu cũng tốt. Hiện nay chúng ta đã in lại tất cả các tư liệu này, tổng cộng có 5 bản dịch gốc từ Phạn sang Hán, 3 bản soạn dịch bằng cách đối chiếu từ các bản Hán, 1 bản giáo khoa của Bành Tế Thanh. Như vậy, hiện nay kinh Vô lượng thọ có tất cả 9 bản khác nhau, đều đã được in lại, rất tiện lợi cho chúng ta tham khảo. Hy vọng rằng các bạn đồng tu khởi phát tín tâm đối với pháp môn Tịnh độ, có thể buông bỏ mọi duyên, một lòng niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Đây là mục đích hoằng dương pháp môn Tịnh độ của chúng tôi.

Nếu như nhận thấy các bản soạn dịch có chỗ không thoả đáng, thì năm bản dịch gốc vẫn còn ở đây, xin các bạn vui lòng xem lại, chắc không có vấn đề gì. Bởi vì các kinh này đều giới thiệu thế giới Tây phương cực lạc. Nếu muốn vãng sanh qua đó thì nhất định phải có niềm tin sâu sắc, phải tha thiết, phải chân thành niệm Phật, niệm đến tiêu chuẩn mà Bồ tát Đại Thế Chí đã nói là "Tịnh niệm liên tục", thì chắc chắn được vãng sanh.

Chúng ta thấy, từ xưa đến nay, những người niệm Phật được vãng sanh một cách tự tại, thì quả thật công hạnh của họ đã đạt đến tịnh niệm liên tục, không có tâm hoài nghi, không gián đoạn, không để cho tạp niệm xen vào. Bồ tát Đại Thế Chí nói rằng "phải giữ cho tâm niệm thanh tịnh và liên tục" (tịnh niệm tương tục),

thì cũng giống như đức Thế Tôn dạy trong kinh Kim Cương là "phải phát khởi cái tâm không ở đâu cả" (ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm).

Tịnh tức là phải vô sở trụ, nếu như còn có chỗ trụ, còn có chỗ bám víu, thì không phải là tịnh. Niệm tức là nhi sanh kỳ tâm. Tương tục tức là công phu không gián đoạn. Do đó, chúng ta thấy những người niệm Phật chân chính, họ chỉ cần công phu trong vòng 3 năm, 5 năm, liền được thành tựu, biết trước giờ chết, đến đi tự tại. Đó mới là thành tựu chân thật. Là người niệm Phật, chúng ta phải nhớ lấy điều này.

Chúng ta nên biết rằng, những người được vãng sanh, là do tín tâm của họ kiên định. Còn đối với vấn đề phê bình, nghiên cứu kinh điển, thật sự không liên quan gì đến họ hết. Chỉ cần trong cuộc đời này quyết tâm được sanh về Tịnh độ, được vãng sanh một cách tự tại, đó là mục đích của người niệm Phật như chúng ta. Còn về phần các bản kinh soạn dịch, nếu như trong tâm chúng ta còn có chỗ nghi ngờ, thì đó là tạp niệm, là chướng ngại, phải từ bỏ ý niệm đó đi. Chúng ta không thể vì sự tranh luận của một số người về bản kinh mà làm ảnh hưởng đến sự duy trì một niệm liên tục của bản thân mình, như vậy thật đáng tiếc! Nếu như chúng ta gặp những trường hợp tranh luận này thì nên lấy câu Nam mô A Di Đà Phật để trong lòng là tốt nhất, không cần phải đôi co, lý luận làm gì.

Người niệm Phật cần phải đạt được nhất tâm bất loạn, không nên để ngoại cảnh nó làm dao động tâm thanh tịnh của chúng ta. Trong kinh Quán vô lượng thọ Phật, ở chương Thượng phẩm thượng sanh, đại sư Thiện Tôn đã khai thị rất rõ, đủ giúp cho chúng ta xác lập niềm tin kiên cố.

Sự lý nhân duyên quả báo rất phức tạp, hơn nữa nó liên hệ cả ba đời. Chúng ta chỉ cần để tâm quan sát, sự thật này có thể thấy trước mắt. Cho nên, không phải là không có quả báo, chỉ là thời gian chưa đến mà thôi.

16

Gần đây, ở phương Tây cũng như phương Đông, có rất nhiều người dùng phương pháp khoa học để chứng minh rằng con người có kiếp trước. Có kiếp trước đương nhiên có kiếp sau. Từ xưa đến nay, Đông cũng như Tây, có rất nhiều phương pháp phán đoán tướng mạng, căn cứ vào khoa toán số, suy luận ra số phận cuộc đời của một cá nhân nào đó sẽ được giàu sang hay bần cùng, gặp phước hay họa... Không những người ta chỉ căn cứ vào lý luận, mà còn căn cứ vào sự thật thực tế. Từ cá nhân, gia đình, cho đến xã hội, những thay đổi, tốt xấu, họa phước, đều có thể dự đoán một cách dễ dàng. Tuy nhiên, dù cố gắng đến bao nhiêu, những lý giải rõ ràng, chính xác đến đâu, cũng không thể bằng những lời đức Phật dạy được ghi chép lại trong ba tạng kinh điển.

Những gì đức Phật dạy cho chúng đều được Ngài nhận thức bằng hiện lượng, không phải như những suy đoán của người đời. Người đời căn cứ vào phương pháp lý luận và số học, đó là những nhận thức tỷ lượng. Nhận thức hiện lượng có được nhờ thiền định sâu sắc. Lấy công phu thiền định để khám phá không gian, cho nên có thể thấy được quá khứ, hiện tại, vị lai bằng chính con mắt trí tuệ của mình. Chư Phật và Bồ tát có được năng lực này. Đức Phật dạy chúng ta, nếu như có thể tu tập thiền định, thì có thể khôi phục lại tự tánh bản tâm thanh tịnh của mình, chúng ta cũng có được năng lực ấy. Đức Phật cho rằng, năng lực ấy vốn là bản năng của tất cả chúng sanh. Chỉ vì chúng ta đã đánh mất bản tâm thanh tịnh, cho nên năng lực ấy tạm thời bị những thứ vọng tưởng, chấp trước... che lấp, làm cho nó không thể biểu hiện được. Chỉ cần chúng ta dập tắt vọng tưởng, bỏ tâm tham muốn, thì năng lực ấy tự nhiên được khôi phục, và chúng ta cũng có thể thấy được sự thật chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

Chỉ khi nào có trí tuệ giác ngộ triệt để con người mới có khả năng nắm vững vận mệnh của mình, mới có thể hiểu biết một cách chính xác về mối quan hệ nhân quả giữa con người với sự vật, hiện tượng, mới thấy được giữa thế giới và tất cả mọi loài chúng sanh có sự tương quan mật thiết đến mức độ nào. Bỏ qua những xung đột không cần thiết, sẽ đạt được một cuộc sống cùng tồn tại, cùng phát triển, hạnh phúc, an lạc mỹ mãn.

Đây không phải là điều mê tín, mà là trí tuệ chân thật, là điều mà trong tâm niệm của một người học Phật luôn mong cầu và hy vọng đạt được. Nhưng tại sao rất nhiều người học Phật không đạt được nguyện vọng này? Bởi vì đã dùng cái tâm phan duyên, tức là cái tâm theo ngoại cảnh. Chúng ta mỗi niệm đều mong cầu, mỗi niệm đều hy vọng đạt được, tâm niệm này chính là cái tâm phan duyên. Chính cái tâm niệm này đã làm chướng ngại. Cho nên, chúng ta có nguyện, có cầu, nhưng không nên có tâm cầu nguyện (sự chướng đắc), điều này chúng cần phải hiểu rõ.

Từ bỏ tất cả mọi tâm niệm mong cầu, phan duyên, thì tâm của chúng ta mới thanh tịnh. Tâm đã được thanh tịnh thì tự nhiên trí tuệ chân thật phát huy tác dụng, khi ấy không có điều gì là không biết, không năng lực nào mà không đạt được, như vậy mới có thể giải quyết được vấn đề sanh tử luân hồi. Giống như trong kinh Kim Cương đã nói, là phải lìa tứ tướng(1). Những nguyện cầu, mặc dù trong nhà Phật thường nói hữu cầu tất ứng, nhưng những điều mong cầu phải như lý, như pháp. Như lý như pháp thì trong kinh Kim Cương đã dạy rất rõ, rất đơn giản, dễ hiểu, đó chính là "không bị vướng kẹt vào hình danh sắc tướng, như như bất động". Đó chính là "đừng ở vào bất cứ chỗ nào mà sanh tâm ra". Trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta chỉ cần sống với một pháp như vậy thì tự nhiên có được tự do lớn, giác ngộ viên mãn.

Cái khó nhất của vấn đề học Phật là ở chỗ này: chúng ta luôn có tâm phân biệt, có tâm chấp trước, cho nên rất khó có thể buông bỏ tất cả một cách triệt để, đây là chướng ngại căn bản nhất của

người tu. Chúng ta phải nhận thức và hiểu rõ điều này để quyết tâm buông bỏ. Một khi chướng ngại đã được dẹp bỏ thì những điều chúng ta kỳ vọng tự nhiên hiển hiện trước mắt. Công đức và lợi ích không thể nghĩ bàn. Những lời đức Phật dạy mỗi câu mỗi chữ đều chân thật. Cho nên, đến hôm nay chúng ta cũng có thể tu tập và thân chứng được. Đây gọi là "tín, giải, hành, chứng" (tín, hiểu, thực hành và chứng đắc).

17

Trong kinh Quán vô lượng thọ Phật đức Thế Tôn có nói đến Tịnh nghiệp tam phước(1). Ba điều này gồm mười một câu kinh, không chỉ là những điều tu học căn bản của tông Tịnh độ, mà còn là cơ sở tu học trong tất cả các pháp môn của Phật giáo đại thừa. Cho nên, trong phần tổng kết đức Thế Tôn nói: "Tam phước là cái nhân chính trong sự nghiệp tu tập của ba đời chư Phật". Câu kinh này đã quá rõ ràng, ba đời chư Phật là chỉ cho tất cả những người tu tập thành Phật trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Đương nhiên, không chỉ một pháp môn Tịnh độ này, mà bao hàm tất cả các pháp môn, đều lấy tam phước làm cơ sở tu hành. Do đó, đây là ba điều vô cùng quan trọng.

Nay chỉ nói một điều căn bản nhất trong ba điều, một câu quan trọng nhất trong mười một câu, đó là "hiếu dưỡng phụ mẫu". Ý nghĩa của câu kinh này vô cùng sâu rộng. Nội hàm của nó là chỉ

cho "toàn thể tâm tánh". Chúng ta thường nghĩ rằng, hiếu dưỡng phụ mẫu là chỉ cho cha mẹ sanh ta trong đời này, ý nghĩa đó thật là hạn hẹp, hiểu biết đó thật là phàm phu! Trong giới kinh đại thừa, chẳng hạn như "Phạm võng Bồ Tát giới kinh" mà mọi người thường tụng, đức Thế Tôn dạy chúng ta cần phải hiếu thuận với tất cả sư tăng, phụ mẫu. Kinh nói: "Hết thầy người nam là cha ta, hết thầy người nữ là mẹ ta". Quý vị thử suy nghĩ câu kinh này, há không phải là tánh đức tròn đầy đó sao! Đức Phật nói như vậy là ý gì? Đức Phật đã thấy được chân tướng sự thật trong mười pháp giới, thấy rất rõ ràng. Chúng sanh trong mười pháp giới từ vô lượng kiếp đến nay đã từng làm cha mẹ, con cái, anh em, quyến thuộc của nhau. Cho nên hiếu dưỡng cha mẹ có phạm vi rất rộng. "Cha mẹ" bao gồm, "trên từ chư Phật, dưới đến tất cả chúng sanh", đây mới gọi là tận hiếu. Trên đây là theo sự mà nói.

Theo lý mà nói, đặc biệt là đối với chữ hiếu (孝) của người Trung Quốc, được cấu tạo bởi bên trên là chữ lão (老), bên dưới là chữ tử (子), hai chữ lão là già, tử là con, là trẻ hợp lại mà thành chữ hiếu. Điều đó có nghĩa, lão là trước một đời, tử là sau một đời, đời trước và đời sau là một thể thống nhất, tức là một. Mà đời trước còn có đời trước nữa, tức là quá khứ chẳng có khởi đầu; và đời sau còn có đời sau nữa, tức là vị lai chẳng có kết thúc. Điều này có nghĩa từ vô thủy đến vô chung đều cùng một thể thống nhất, hay nói cách khác tổ tiên ông bà quá khứ và con cháu tương lai đều có mặt trong bản thân mình. Nghĩa lý này há chẳng phải đã nói lên hiếu là toàn thể chân như tự tánh sao!

Do đó, trong nhà Phật, Thiền tông nói minh tâm kiến tánh, Tịnh độ tông nói nhất tâm bất loạn, thực chất là đem chữ hiếu này ra thực hành đến chỗ viên mãn. Thực hành chữ hiếu đến chỗ gọi là tận hiếu, thì đó chính là minh tâm kiến tánh hay nhất tâm bất loạn, cũng gọi là viên mãn thành Phật. Cho nên, nói rằng Đẳng giác Bồ Tát vẫn còn có một chút vô minh chưa phá trừ, tánh đức vẫn còn bị khuyết một phần nên chưa đạt được viên mãn, đó là vì chữ hiếu chưa tròn vậy (tức là chưa cứu độ được hết chúng sanh). Chúng ta cần phải hiểu rõ ý nghĩa của câu kinh này thì mới có cơ sở để tu hành thành Phật. "Tịnh nghiệp tam phước" tổng cộng có 11 câu kinh, thì câu kinh này là căn bản nhất, mười câu sau là những phương pháp tu tập để hoàn thành mục tiêu câu kinh thứ nhất. Cho nên, "hiếu dưỡng phụ mẫu" là cương lĩnh, là cái nhân chính để tu tập chứng quả.

Học tập Phật pháp không thể không đem câu kinh "hiếu dưỡng cha mẹ" ra giảng cho rõ ràng để thực hiện trong cuộc sống hằng ngày. Hiếu dưỡng cha mẹ phải bắt đầu từ đâu? Từ chỗ hiếu kính cha mẹ hiện tại. Hiếu là lý, dưỡng là sự. Lý không thể tách rời sự, sự không thể tách rời lý, lý sự là một, là nhất như. Về mặt hiếu sự, chúng ta phải tận tâm tận lực cung cấp cho cha mẹ những vật chất cần thiết trong cuộc sống hằng ngày, để cho cha mẹ không bị thiếu thốn mọi thứ. Ngoài ra, chúng ta còn phải thể hiện hiếu dưỡng cha mẹ bằng tâm, bằng ý, chứ không phải chỉ cho cha mẹ vật chất là đủ. Nếu như chúng ta làm cho cha mẹ buồn phiền, thất vọng, thì đó là bất hiếu. Chẳng hạn như chúng đang học

trong trường này, nếu như học không tốt, không giữ kỷ luật, không kính thầy tổ, không quan tâm giúp đỡ bạn bè, không tôn trọng bạn học, làm cho cha mẹ buồn phiền, đó là bất hiếu. Ở trong gia đình, nếu anh chị em bất hoà, khiến cho cha mẹ lo lắng buồn phiền, đó là bất hiếu. Ở ngoài xã hội, chúng ta không làm việc chân chính, không nỗ lực, không tôn trọng thủ trưởng, lãnh đạo, không hỗ trợ hợp tác với đồng nghiệp, làm cho cha mẹ buồn phiền, thất vọng, đó là bất hiếu. Chúng ta học Phật mà làm trái lời Phật dạy, không nỗ lực tu hành để được chứng quả, đó cũng là bất hiếu. Nói tóm lại, những điều vừa nêu trên đều nằm trong phạm vi chữ dưỡng. Phạm vi chữ dưỡng cũng vô cùng sâu rộng, chúng ta phải hiểu cho thấu đáo để tận tâm tận lực thực hiện cho được.

Một khi lý đã thông suốt, sự đã thực hiện tận tâm tận lực, thì công đức viên mãn. Gia cảnh nghèo khó thì hiếu dưỡng trọn vẹn theo cảnh nghèo khó; gia cảnh giàu sang thì hiếu dưỡng theo cảnh giàu sang. Cho nên, công đức viên mãn của chữ hiếu không kể là giàu sang phú quý hay bần hàn cơ cực, không kể già trẻ, trai gái, tất cả mọi người ai nấy đều có thể thực hiện đến chỗ viên mãn. Dù trong hoàn cảnh nào, chúng ta đều có thể dùng tâm chân thật, tâm thanh tịnh, tâm cung kính, tâm từ bi nỗ lực tu hành, thực hiện đến chỗ viên mãn. Vì vậy, tất cả ở chữ tâm, nếu tâm không chân thành, không thanh tịnh, không cung kính, thiếu từ bi thì không bao giờ thực hiện hiếu dưỡng đến chỗ viên mãn.

Ngoài hiếu dưỡng cha mẹ, "tam phước" còn biểu hiện cụ thể trong cuộc sống hằng ngày với 10 câu còn lại sau: "phụng dưỡng thầy tổ, tâm từ không sát hại, tu mười thiện nghiệp, thọ trì tam quy, giữ đủ các giới, không phạm oai nghi, phát tâm Bồ đề, thâm tín nhân quả, tụng đọc kinh điển Đại thừa, khuyên người tinh tấn". Mười câu này nếu không nỗ lực ứng dụng vào thực tiễn thì hiếu dưỡng không trọn vẹn. "Tịnh nghiệp tam phước" nếu không được nhận thức tu tập, thì dù thực hành theo pháp môn nào cũng khó thành tựu. Bởi vì, ba điều này là nhân tố chính trong sự nghiệp tu tập của ba đời chư Phật. Do đó, người Phật tử nhất định trước hết phải học tập và thực hành tịnh nghiệp tam phước, rồi sau mới tham thiền nhập định, niệm Phật mới được nhất tâm, mới được vắng sanh thấy Phật.

18

Trong kinh điển chúng ta thấy đức Phật diễn tả cảnh sống của chúng sanh trong mười pháp giới, lục đạo rất rõ ràng. Ngài còn cho biết mối quan hệ nhân quả của những chúng sanh ấy rất minh bạch. Trong các sách vở của người xưa, đặc biệt bộ luật ký, cũng có ghi lại mấy mẫu chuyện nhỏ về nhân quả báo ứng rất rõ ràng. Hơn nữa, ngay cuộc sống hiện tại, chúng ta cũng chứng kiến không biết bao nhiêu sự thật nhân quả báo ứng, bản thân tôi cũng đã từng mắt thấy, tai nghe, đích thực là nhân duyên báo ứng một sợi lông, mảy bụi không thể sai được. Tuyệt đối đừng nhìn thấy một vài người làm việc tốt mà không được quả báo tốt;

một số người làm việc ác mà không thấy bị quả báo ác, liền cho rằng không có chuyện nhân duyên quả báo, rồi không tin, lại cho rằng mê tín, nhạo báng, đó là một nhận thức sai lầm lớn.

Sự lý nhân duyên quả báo rất phức tạp, hơn nữa nó liên hệ cả ba đời. Chúng ta chỉ cần để tâm quan sát, sự thật này có thể thấy trước mắt. Cho nên, không phải là không có quả báo, chỉ là thời gian chưa đến mà thôi.

Đời nay làm việc ác mà vẫn hưởng được giàu sang phú quý là do phước báo đã tu tập đời trước chưa hưởng hết; đời nay làm việc ác nhưng quả báo ác chưa thành thực. Đời nay tâm tánh nghĩ điều thiện, làm việc thiện, mà vẫn bị nghèo khó bần cùng, cuộc sống vô cùng khổ khổ, là do đời trước họ không gieo trồng nhân thiện đời nay phải trả; dù hôm nay có nghĩ điều thiện làm việc thiện nhưng quả báo thiện chưa thành thực. Việc này nếu như để tâm quan sát thì không khó hiểu lắm. Sự thật này người xuất gia cũng không ngoại lệ. Trong cuộc đời tôi có gặp hai ba người bạn, tu hành rất nghiêm chỉnh, giữ giới rất nghiêm, công phu cũng không có gì sai sót. Nhưng trong quá khứ đã tạo một tội rất nặng, quả báo y nhiên không thể tránh khỏi. Vì đã tạo nghiệp quá nặng, nên dù công phu tu tập rất nghiêm mật mà vẫn không thể bù đắp lại lỗi lầm, do đó trong cuộc sống tu tập bị không biết bao nhiêu là bệnh tật dày vò, không thể tu hành tự tại được.

Bởi vậy, việc ác dù rất nhỏ cũng có quả báo xấu; việc thiện dù rất nhỏ cũng có quả báo tốt đẹp. Tuyệt đối không nên "vì việc thiện nhỏ mà không làm, thấy lỗi nhỏ mà phạm". Như vậy mới tránh khỏi những sai lầm đáng tiếc. Đối với chân tướng sự thật trong lục đạo, mười pháp giới đã hiểu rõ ràng, nhận thức đúng đắn rồi, thì mỗi khi khởi tâm động niệm, nói năng, tạo tác, tự nhiên chúng ta biết kiềm chế lại.

Người xưa có câu "trên đầu ba thước ắt có thần minh". Câu nói này rất chân thật, không phải là hư vọng. Người xưa đã nói câu gì thì nhất định là đúng sự thật. Cuộc sống hôm nay khốn khổ, tuy có tâm tốt, làm việc thiện, nhưng không được như ý, thì nên biết rằng, quả báo mà chúng ta đang gánh chịu hiện nay là do cái nhân đã tạo trong quá khứ. Do đó, đừng vì những việc thiện mình làm hôm nay chưa có kết quả tốt thì thối tâm, mất niềm tin.

Cũng đừng nên nhìn thấy người ta làm điều ác mà vẫn được giàu sang phú quý thì làm theo. Nên nhớ rằng, hôm nay người ta giàu sang phú quý là do người ta hưởng phước đời trước. Vì vậy, chúng ta không nên ngưỡng mộ người giàu sang, cũng không nên mặc cảm tự ti bản thân mình, mà điều quan trọng nhất là phải phấn chấn tinh thần, thâm tín lời Phật dạy, thâm tín nhân quả, bỏ ác làm lành, chân thành niệm Phật, cầu nguyện được vãng sanh Tịnh độ. Sống được như vậy thì không gì so sánh bằng. Một mai nhất định công đức, quả báo không thể nghĩ bàn.

Chế độ xã hội ngày xưa với ngày nay không giống nhau. Nếu luận về mặt lợi và hại, chúng ta để tâm quan sát một chút sẽ thấy rằng, chế độ xã hội thời xưa so với xã hội hiện đại, thì có nhiều điều tốt hơn điều xấu. Xã hội hiện đại thực thi chế độ dân chủ, không thể nói là không tốt. Chế độ dân chủ là một chế độ tốt nhất trong tất cả các chế độ. Nhưng chế độ dân chủ muốn đạt hiệu quả cao, đòi hỏi phải được xây dựng trên nền tảng luân lý đạo đức, kiến lập trên tinh thần giữ giới của mọi người, thì chế độ này mới có thể phát huy được ưu điểm của nó, mới mang lại hiệu quả mỹ mãn cho xã hội. Nếu như quan niệm về luân lý đạo đức và tinh thần giữ giới khiếm khuyết, thậm chí hoàn toàn không có, thì chế độ dân chủ sẽ biến thành một đám cát rời rạc, năm bè bảy mảng, không đoàn kết, giống như một xã hội không có chính phủ, và nhân dân sống trong đất nước như vậy thật là thiếu phước.

Đất nước Trung Quốc vào thời cổ đại có truyền thống gia đình rất tốt đẹp, trong cuốn "Nhật tri lục" của Cố Viêm Vũ còn ghi lại rất nhiều. Trong đó có nói đến gia đình tiên sinh Trương Công Nghệ, có đến cửu thế đồng đường(1)! Đại gia đình này trên dưới có hơn trăm người. Ở Trung Quốc những gia đình như vậy đâu đâu cũng có thể thấy, chính như tiểu thuyết "Hồng lâu mộng" cũng có viết. Bấy giờ Hoàng đế đã từng hỏi ông: "Ông làm cách nào để giáo dục con cháu trong gia đình, khiến từ trên xuống dưới đều sống hoà thuận, thương yêu nhau như vậy?". Trương lão tiên sinh rất có hứng thú, viết liền 100 chữ nhẫn (忍) đưa cho Hoàng đế. Vua

xem xong cười nói: "Tuyệt đẹp!". Tiên sinh thưa: "Đẹp thì đẹp thật, nhưng mà chưa thật toàn thiện!". Vậy cần phải làm thế nào để đạt được toàn thiện toàn mỹ?

Gia đình là một đơn vị cơ bản của xã hội, cho nên người xưa thường nói, có khả năng giáo dục gia đình thì có khả năng trị nước. Gia đình có cương thường, kỷ luật, pháp độ của gia đình. Cho nên người Trung Quốc thường nói: "Gia có gia quy, quốc có quốc pháp". Những gia tộc thuở xưa có gia quy rất hoàn thiện và rất nghiêm khắc. Sửa trị việc nhà cũng giống như điều hành đất nước, chẳng khác gì nhau, vì vậy mà nhà Nho thường dạy trước hết phải tu chỉnh bản thân, sửa trị việc nhà, rồi sau mới lo trị quốc, bình thiên hạ. Sửa trị việc nhà là gốc của việc trị nước. Vào thời Xuân Thu, các nước chư hầu có lãnh thổ không lớn như một quốc gia bây giờ. Các nước lớn thì có lãnh thổ tương đương với một thị xã, hoặc thành phố các nước nhỏ thì khoảng một thị trấn. Lãnh đạo các nước chư hầu cũng giống như những chủ tịch thành phố, hay chủ tịch tỉnh, chủ tịch huyện bây giờ. Chữ "bình" trong "bình thiên hạ" nó có nghĩa là người lãnh đạo quốc gia phải có khả năng phán quyết, ứng xử công bằng. Trong các sách cổ của Trung Quốc còn ghi lại là các quốc gia trong thiên hạ đều dùng nguyên tắc công bằng để cùng cộng sinh, cộng tồn, và cùng phát triển. Chúng ta có thể tra lại vấn đề này trong các sách xưa của Trung Quốc.

Xã hội hiện đại coi trọng chế độ tiểu gia đình, cho nên những tinh thần, phép tắc, quy củ, quan niệm sống chung trong một đại gia đình đã bị quên hết. Nếu như chúng ta có thể nghiên cứu một cách nghiêm túc, rồi đem áp dụng vào trong các công ty thương nghiệp, công xưởng, xa hơn nữa là các cơ quan nhà nước, bộ máy chính phủ. Làm được như vậy là đã kiến thiết một xã hội vững mạnh, đó là một đại gia đình hiện đại, nhất định sẽ đạt hiệu quả cao. Người đời không ai lưu ý đến điều này, và người Trung Quốc cũng đã lãng quên. Tuy nhiên, trên thế giới vẫn còn có người thông minh, đó chính là người Nhật Bản.

Người Nhật Bản đã đem những truyền thống tốt đẹp trong đại gia đình của người Trung Quốc như phép tắc, kỷ cương, luân thường, đạo lý ứng dụng trong công ty của họ. Từ người lãnh đạo tối cao cho đến nhân viên thấp nhất đều sống và làm việc như trong một đại gia đình, cho nên các công ty của họ phát triển vượt bậc lên hàng đầu thế giới về mọi mặt, các nước trên thế giới không làm cách nào để so sánh được. Vì sao người Nhật Bản làm được như vậy? Có một số người cho rằng đó là do tinh thần võ sĩ đạo của người Nhật Bản, ngày xưa dùng cho chủ nghĩa quân chủ, ngày nay ứng dụng trong thương trường. Nhận định đó không sai, nhưng đó không phải là điều căn bản. Điều căn bản là do họ đã biết tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Họ đã đem cơ sở luân lý này ứng dụng vào trong tập đoàn thương nghiệp, đó là nhân tố chính khiến họ thành công trên thương trường, đồng thời cũng phát huy được truyền thống tốt đẹp của đại gia đình

trong xã hội hiện đại, đó là tinh thần đoàn kết, đồng cam cộng khổ, đồng tâm hiệp lực. Mục tiêu của các gia đình xưa là làm vinh quang giòng họ. Ngày nay, mục tiêu kinh doanh của các công ty Nhật Bản là đưa nền kinh tế nước nhà lên hàng đầu thế giới. Điều này khiến chúng ta khâm phục người Nhật Bản, họ rất thông minh, không những họ gìn giữ được truyền thống tốt đẹp trong gia đình mà còn phát huy sáng lạn, biến tinh thần truyền thống ấy thành sản phẩm của thời đại mới.

20

Pháp tướng tông thì nói "chuyển thức thành trí", Pháp tánh tông thì nói "minh tâm kiến tánh", còn Tịnh độ tông thì nói "nhất tâm bất loạn", tất cả đều là những nguyên tắc tu tập đưa đến trạng thái giác ngộ cao nhất. Nếu muốn đạt được mục tiêu này một cách viên mãn thì phải phá trừ hai thứ chấp. Chấp ngã là nguồn gốc của luân hồi trong lục đạo; chấp pháp là duyên khởi cho sự hình thành mười pháp giới. Do đó, hai thứ chấp ngã và chấp pháp được phá trừ rồi, thì không những được siêu thoát sáu nẻo luân hồi, mà còn vượt thoát khỏi mười pháp giới. Đây mới gọi là thể nhập vào nhất chân pháp giới. Kinh Hoa Nghiêm nói rằng: thế giới Hoa Tạng của đức Phật Tỳ Lô Giá Na và thế giới Tây phương cực lạc của đức Phật A Di Đà đều thuộc nhất chân pháp giới. Điều này trong giáo pháp đại thừa thường nói, kết quả cuối cùng của sự tu tập là trở về với cội nguồn của mình, cũng gọi là đại viên mãn.

Đức Phật dạy chúng ta phải "ly tướng, ly niệm", như trong kinh Kim Cương nói: "Tất cả chư hiền thánh đều lấy pháp vô vi mà có sai biệt". Nói cách khác, từ khi mới phát tâm cho đến địa vị Như Lai, bất luận là tu pháp môn gì, cũng đều phải theo nguyên tắc "ly tướng, ly niệm". Thứ tự tám quả vị trong Tiểu thừa(1), hay 51 quả vị trong Đại thừa, đều căn cứ vào công phu tu tập ly tướng ly niệm sâu hay cạn mà phân biệt. Điều này trong kinh Kim Cương chỉ bày rất rõ ràng, là những phương châm nhiệm mầu hướng dẫn chúng ta làm người, làm việc, sinh hoạt đạt được hạnh phúc, an lạc mỹ mãn. Điều quan trọng là chúng ta phải biết khéo léo vận dụng tu hành chân chính. Nếu như vận dụng tu tập hợp lý, thuần thực, thì đến một lúc nào đó sẽ thâm nhập vào cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát, đó chính là giây phút "chuyển thức thành trí", "chuyển mê thành ngộ", hay chuyển đời sống của phàm phu thành đời sống của chư Phật, chư Bồ Tát.

Đời sống của phàm phu thì trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi; còn đời sống của chư Phật và Bồ Tát thì du hí thần thông tự tại. Không gian sinh hoạt của phàm phu thì có hạn, không gian sinh hoạt của chư Phật và Bồ Tát thì tận cùng hư không, biến khắp pháp giới. Trong kinh điển Đại thừa miêu tả điều này rất tường tận. Đức Phật dạy rằng, cảnh giới ấy không phải chỉ dành riêng cho chư Phật và Bồ Tát, mà tất cả chúng sanh, tất cả mọi người đều có phần. Chỉ cần chúng ta tỉnh ngộ hồi đầu, y theo lời Phật dạy mà tu hành, thì ai cũng được thành tựu.

Phương pháp tu hành thì lấy kinh Kim Cương làm cương lĩnh, ly tướng ly niệm, rồi y theo pháp môn Tịnh độ mà tu, niệm niệm liên tục giữ cho danh hiệu A Di Đà Phật không gián đoạn. Trong sinh hoạt hàng ngày, đi đứng nằm ngồi, ăn mặc, làm việc... tất cả mọi cử chỉ hành động đều không rời chánh niệm, luôn luôn nhớ nghĩ danh hiệu A Di Đà, thì con đường giác ngộ thành Phật không ở đâu xa, ngay trong đời này nhất định được thành tựu viên mãn, đạt được hạnh phúc mỹ mãn.